

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

HỒ SƠ YÊU CẦU

GÓI THẦU XL-08:	TOÀN BỘ KHỐI LƯỢNG THI CÔNG
DỰ ÁN:	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHO HÀNG CHUYÊN DỤNG SỐ 2 - CẢNG QUY NHƠN
ĐỊA ĐIỂM:	PHƯỜNG QUY NHƠN, TỈNH GIA LAI
CHỦ ĐẦU TƯ:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

THÁNG 5. 2026

HỒ SƠ YÊU CẦU

GÓI THẦU XL-08: TOÀN BỘ KHỐI LƯỢNG THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHO HÀNG CHUYÊN DỤNG SỐ 2 - CẢNG QUY NHƠN

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG QUY NHƠN, TỈNH GIA LAI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Tư vấn lập HSYC

CÔNG TY CỔ PHẦN CỬA VIỆT

Chủ đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đại Dũng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH
Hồ Liên Nam

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá

Chương III. Biểu mẫu dự thầu

Chương IV. Yêu cầu về xây lắp

Chương V. Dự thảo hợp đồng

Phụ lục:

- Phụ lục 1: Bảng tiên lượng mời thầu
- Phụ lục 3: Chỉ dẫn kỹ thuật thi công.
- Phụ lục 3: Thuyết minh thiết kế
- Phụ lục 4: Bản vẽ thiết kế
- Phụ lục 5: Quy định khai thác và quy trình bảo trì

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất, bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đề xuất, mở thầu, đánh giá hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng.

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ đề xuất và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

Chương III. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ đề xuất.

Chương IV. Yêu cầu về xây lắp

Chương này cung cấp thông tin bổ sung mô tả công trình đang được đấu thầu, các thông số kỹ thuật, các yêu cầu về tổ chức thi công, về nhân sự và thiết bị dự kiến huy động để thực hiện gói thầu.

Chương V. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các điều khoản, điều kiện hợp đồng và các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Bảo lãnh tiền tạm ứng do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phụ lục 1. Bảng tiên lượng mời thầu

Mục này liệt kê khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện làm căn cứ để nhà thầu tính toán giá dự thầu và một số quy định chủng loại vật tư sử dụng cho gói thầu.

Phụ lục 2. Chỉ dẫn kỹ thuật thi công

Phụ lục 3. Thuyết minh thiết kế

Phụ lục 4. Bản vẽ thiết kế

Phụ lục 5. Quy định khai thác và quy trình bảo trì

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX
VND	Đồng Việt Nam

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn - phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp được mô tả trong Chương IV [Yêu cầu về xây lắp]. 1.2. Tên gói thầu XL-08: Toàn bộ khối lượng thi công. 1.3 Tên dự án: Đầu tư xây dựng kho hàng chuyên dụng số 2 – Cảng Quy Nhơn
2. Nguồn vốn	Nguồn vốn sử dụng cho gói thầu: Vốn tự có của chủ đầu tư
3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với ngành nghề phù hợp với nội dung công việc của gói thầu. 3.2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 3.3 Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có tình hình tài chính không lành mạnh hoặc đang lâm vào tình trạng phá sản.
4. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị và các dịch vụ liên quan	4.1. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ. 4.2. Các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ có thể bao gồm: chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng, vận đơn, tài liệu kỹ thuật liên quan của vật tư thiết bị; tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dịch vụ cung cấp cho gói thầu.
5. Nội dung của HSYC	5.1. HSYC gồm có các chương I, II, III, IV, V cùng với tài liệu sửa đổi, bổ sung HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX; - Chương III. Biểu mẫu dự thầu; - Chương IV. Yêu cầu về xây lắp. - Chương V. Dự thảo hợp đồng; - Phụ lục 1. Bảng tiên lượng mời thầu; - Phụ lục 2: Chỉ dẫn kỹ thuật thi công. - Phụ lục 3: Thuyết minh thiết kế - Phụ lục 4: Bản vẽ thiết kế - Phụ lục 5: Quy định khai thác và quy trình bảo trì 5.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn

	chính của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC hay các tài liệu sửa đổi của HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. 5.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về xây lắp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị lập HSDX của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSYC.
6. Làm rõ HSYC, khảo sát hiện trường	6.1. Trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 2 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 6.2. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập HSDX cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.
7. Sửa đổi HSYC	7.1. Trường hợp sửa đổi HSYC thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSYC đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi HSYC được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDX; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSYC, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDX. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSYC, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.
8. Chi phí dự thầu	Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDX. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSDX	HSDX cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX trao đổi giữa nhà thầu với Chủ đầu tư được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

10. Thành phần của HSDX	HSDX bao gồm các thành phần sau đây: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 10.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 3 CDNT; 10.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 19.3 CDNT; 10.5. Tài liệu chứng minh tư năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT và Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX, gồm: - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính; - Tài liệu chứng minh doanh thu xây dựng; - Cam kết cung cấp tín dụng thực hiện gói thầu; - Tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự. 10.6. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt và khả năng huy động nhân sự theo quy định tại Mục 2.2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX; 10.7 Tài liệu chứng minh khả năng huy động và chất lượng thiết bị thi công chính theo quy định tại Mục 2.2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX; 10.8 Tài liệu chứng minh khả năng huy động vật tư, thiết bị chính lắp đặt vào công trình kèm theo catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của vật tư, thiết bị chính; 10.9. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 15 CDNT; 10.10. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT; 10.11. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX theo quy định tại Mục 12 CDNT. 10.12 Các cam kết của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương III [Biểu mẫu dự thầu].
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX	12.1. Nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được Chủ đầu tư xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu. Nhà thầu phải cung cấp các thông tin cần thiết để Chủ đầu tư có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công và các thông tin liên quan khác.

13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu và trong biểu giá bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV [Yêu cầu về xây lắp]. 13.2. Nhà thầu nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu và Bảng chi tiết giá dự thầu theo quy định tại Mẫu số 04 và 05 Chương III [Biểu mẫu dự thầu]. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng. 13.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi trực tiếp vào đơn dự thầu. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. 13.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó của nhà thầu theo quy định tại Mục 27 CDNT. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. 13.5. Trường hợp nhà thầu phát hiện khối lượng của các hạng mục công việc trong Bảng tiên lượng mời thầu chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho Chủ đầu tư và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để Chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu. Nhà thầu được coi là đã nghiên cứu đầy đủ hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, tiên lượng mời thầu và điều kiện hiện trường khi lập giá dự thầu. Giá dự thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện hoàn chỉnh công trình theo yêu cầu của HSYC. Đối với các công việc thuộc phạm vi thực hiện của gói thầu mà nhà thầu không chào giá, để trống hoặc chào bằng 0 thì được hiểu là chi phí đã được phân bổ vào các công việc khác và nhà thầu vẫn phải thực hiện đầy đủ mà không được thanh toán bổ sung. * Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm thuế giá trị gia tăng trong đơn giá dự thầu là 8%.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

thanh toán	
15. Thành phần đề xuất kỹ thuật	Nhà thầu nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương III [Biểu mẫu dự thầu] và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc quy định tại Chương IV [Yêu cầu về xây lắp], bao gồm tối thiểu các nội dung sau: - Bảng tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu đồ vật liệu, biểu đồ huy động máy móc thiết bị thi công. Tiến độ chi tiết do Nhà thầu lập phải: a. Thể hiện được thời điểm hoàn thành công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư; b. Bao gồm tất cả các công tác cần thiết để hoàn thành công việc c. Theo tiến độ ngang thể hiện rõ thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc cho mỗi công tác; d. Xác định rõ thời gian thực hiện của mỗi công tác; e. Thể hiện chi tiết mối liên quan giữa các công tác. - Bảng đề xuất chủng loại vật tư sử dụng cho gói thầu; Tài liệu chứng minh khả năng huy động vật tư, catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của các vật tư, thiết bị chính lắp đặt vào công trình; - Bảng kê khai số lượng và chủng loại máy móc, thông số kỹ thuật thiết bị huy động cho gói thầu theo các biểu mẫu tại Chương III [Biểu mẫu dự thầu] và đáp ứng yêu cầu tại Chương II [Tiêu chuẩn đánh giá HSDX]. - Sơ đồ tổ chức công trường thể hiện chi tiết và đầy đủ danh sách cán bộ chủ chốt huy động cho gói thầu, đáp ứng yêu cầu công việc cả trong và ngoài công trường bao gồm cả việc giám sát các nhà thầu phụ được chọn. - Bảng kê khai nhân sự tham gia gói thầu theo các biểu mẫu tại Chương III [Biểu mẫu dự thầu] và đáp ứng yêu cầu tại Chương II [Tiêu chuẩn đánh giá HSDX]; - Giải pháp thực hiện gói thầu, biện pháp thi công cho từng công việc, hạng mục công trình cùng bản vẽ minh họa biện pháp thi công, bao gồm việc xác định các thuận lợi và khó khăn, đề xuất biện pháp tiếp cận, phương pháp trắc đạc định vị công trình, kế hoạch triển khai thực hiện... phù hợp với đặc điểm công trình, bản vẽ thiết kế và các yêu cầu về kỹ thuật. - Kế hoạch an toàn bao gồm quy trình quản lý an toàn lao động,

	an toàn cho công trình, biện pháp phòng cháy chữa cháy, biện pháp phòng ngừa đảm bảo an toàn cho các khu vực lân cận; - Kế hoạch đảm bảo chất lượng bao gồm quy trình của Nhà thầu để đảm bảo chất lượng như kiểm tra nội bộ, nghiệm thu nội bộ, kiểm tra vật liệu, huấn luyện và nâng cao tay nghề cho nhân viên... - Kế hoạch bảo vệ môi trường bao gồm nước, không khí, tiếng ồn, bảo vệ nền đất, quy trình xử lý rác thải hiện vị trí bãi thải, quy trình đảm bảo vệ sinh công trường; - Cam kết bảo hành công trình và phương án bảo hành.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các mẫu trong Chương III [Biểu mẫu dự thầu] để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy phép khác theo quy định hiện hành trong lĩnh vực liên quan tới gói thầu, báo cáo tài chính, hợp đồng tương tự (bao gồm cả các nhà thầu phụ)... các tài liệu chứng minh năng lực về nhân sự, thiết bị thi công theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX và Chương III [Biểu mẫu dự thầu]. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc đối chiếu khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.
17. Thời gian có hiệu lực của HSDX	17.1. HSDX phải có hiệu lực không ngắn hơn 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDX sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDX thì HSDX của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành như quy định tại Mục 18.2 CDNT. Thư bảo lãnh lập theo Mẫu số 03 Chương III [Biểu mẫu dự thầu] hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDX được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải

	được gia hạn tương ứng. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 500.000.000 VND (Năm trăm triệu đồng chẵn) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu. 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định Mục 18.2 CDNT, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. 18.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX; b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo
--	---

	mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng; d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.
19. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX	19.1. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, thỏa thuận liên danh (nếu có), bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III [Biểu mẫu dự thầu] hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDX. 19.2. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
20. Thời điểm đóng thầu	20.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT. 20.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
21. Nộp, rút và sửa đổi HSDX	21.1. Nộp HSDX: Nhà thầu nộp một bộ HSDX đối với một TBMT. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDX sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 21.2. Sửa đổi, nộp lại HSDX: Trường hợp cần sửa đổi HSDX đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDX đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDX, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDX mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDX trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSYC (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDX mới cho phù hợp với HSYC đã được sửa đổi. 20.3. Rút HSDX: nhà thầu được rút HSDX trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDX (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDX của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDX trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDX nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.
22. Mở thầu	22.1. Chủ đầu tư tiến hành mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 2 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDX, Chủ đầu tư sẽ xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu (hủy TBMT này và đăng TBMT mới).

23. Bảo mật	23.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDX và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. 23.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDX, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến HSDX của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
24. Làm rõ HSDX	24.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 24.2. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDX của nhà thầu theo HSDX nộp trước thời điểm đóng thầu.
25. Nhà thầu phụ	25.1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ kê khai theo Mẫu số 14 Chương III [Biểu mẫu dự thầu]. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu chính nhưng nhà thầu phụ phải đảm bảo đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện phần công việc nhận thầu. 25.2. Nhà thầu chính được phép sử dụng nhà thầu phụ phù hợp quy định pháp luật. Tổng giá trị giao nhà thầu phụ không vượt quá 49% giá trị hợp đồng; nhà thầu chính phải trực tiếp quản lý, điều hành và thực hiện các công việc cốt lõi của gói thầu. 25.3. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDX; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDX và việc sử dụng nhà thầu phụ vượt quá tỷ lệ theo quy định tại Mục 25.2 CDNT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và phải được Chủ đầu tư chấp thuận. 25.4 Nhà thầu có thể sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt. Trong trường hợp này, nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 15 Chương III và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Chủ đầu tư đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương II. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSYC và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì HSDX của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSYC. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu chính không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu

	phụ đặc biệt.
26. Đánh giá HSDX	26.1. Chủ đầu tư sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại Chương II [Tiêu chuẩn đánh giá HSDX] để đánh giá các HSDX. 26.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX: a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II [Tiêu chuẩn đánh giá HSDX]; b) Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. 26.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX; b) Trường hợp các thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSYC trong 3 (ba) ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. c) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để đáp ứng yêu cầu của HSYC trong 3 (ba) ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. d) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. 26.4. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá: a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX; b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.
27. Đối chiếu tài liệu, Thương thảo hợp đồng	27.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDX, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc séc bảo chi theo quy định tại Mục 18 CDNT; b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDX (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng

	minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong HSDX; d) Tài liệu khác (nếu có). 27.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xem xét thương thảo hợp đồng. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận theo quy định. 27.3 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá HSDX; b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; c) HSYC và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSYC (nếu có). 27.4 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Khi thấy giá dự thầu của nhà thầu chưa hợp lý, chưa đảm bảo tính cạnh tranh, Chủ đầu tư có quyền thương thảo về giá để đảm bảo chi phí hợp lý nhất cho Chủ đầu tư; c) Các nội dung thương thảo khác do Chủ đầu tư quyết định. 27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Thương thảo về nhân sự: Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDX hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDX kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu; b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại HSYC; d) Trường hợp nhà thầu chào giá theo Mẫu số 05 Chương III [Biểu mẫu dự thầu] thì trong quá trình thương thảo phải xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế bao
--	--

	gồm: thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế GTGT và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế. Thuế suất, giá trị thuế nhà thầu phải nộp phải được nêu cụ thể trong hợp đồng; đ) Thương thảo về giá hợp đồng; e) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác do Chủ đầu tư quyết định. 27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và các phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp. 27.7. Trường hợp Nhà thầu không thống nhất nội dung thương thảo hợp đồng theo yêu cầu của HSYC, Chủ đầu tư sẽ xem là thương thảo không thành công và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư sẽ xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Mục 29 CDNT. 27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.
28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	28.1 Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có HSDX hợp lệ; b) Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Mục 2 Chương II [Tiêu chuẩn đánh giá HSDX]; c) Có đề xuất về mặt kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II [Tiêu chuẩn đánh giá HSDX]; d) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu; e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt. f) Đã thống nhất với Chủ đầu tư về giá và các điều khoản của Hợp đồng qua thương thảo. 28.2 Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu trên cơ sở xem xét tổng hợp các tiêu chí năng lực, kinh nghiệm, đề xuất kỹ thuật, đề xuất tài chính nhằm đảm bảo khả năng đạt được các mục tiêu về chất lượng, tiến độ thi công công trình với mức giá phù hợp.
29. Hủy thầu	29.1. Chủ đầu tư sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Không có HSDX nào đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSYC; b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSYC 29.2 Quyền của Chủ đầu tư được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDX

	Bất kỳ thời điểm nào trước khi trao hợp đồng, Chủ đầu tư được quyền chấp nhận hoặc loại bỏ bất kỳ HSDX nào hoặc tuyên bố hủy đấu thầu mà không phải chịu trách nhiệm đối với nhà thầu và không phải giải thích bất kỳ lý do nào. 29.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 29.1 và 29.2 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư sẽ hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu.
30. Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng	Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự.
31. Điều kiện ký kết hợp đồng	31.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 31.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu.
32. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	32.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với nội dung và yêu cầu như quy định tại Chương V [Dự thảo hợp đồng]. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 16 Chương V [Dự thảo hợp đồng] hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 32.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau :

- a) Giá dự thầu trong bảng tổng hợp giá dự thầu phải cụ thể, cố định, phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu; Không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;
- b) Có Thư bảo lãnh dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT, không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 18.2 CDNT;
- c) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNT;
- d) Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương III. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 Chương III;
- e) Trong thời hạn 3 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.
- f) Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về năng lực hoạt động của pháp luật chuyên ngành: có Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy trong đó có lĩnh vực Thi công, lắp đặt hệ thống PCCC (trừ trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương này).

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm được thực hiện theo bảng tiêu chuẩn dưới đây. Nhà thầu phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn này, nếu một trong các tiêu chuẩn đáng giá theo bảng tiêu chuẩn dưới đây không đạt thì hồ sơ đề xuất của nhà thầu bị loại.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng thương mại nơi chủ đầu tư mở tài khoản tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Văn bản cam kết của nhà thầu
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2025 ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Tài liệu chứng minh Nhà thầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế năm 2024
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng năm 2025 > 0; Lợi nhuận sau thuế năm 2025 ≥ 0 VND; Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm 2023, 2024, 2025 của nhà thầu có giá trị tối thiểu 63.395.000.000 VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 06 Chương III; Báo cáo tài chính kèm theo tài liệu quy định tại Mẫu số 06

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3.2	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽³⁾, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 12.670.000.000 VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị: Tối thiểu 12.670.000.000 VND; - Cam kết cung cấp tín dụng có hiệu lực đến ngày 31/12/2026. - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07, 08 Chương III
4	Số năm kinh nghiệm hoạt động xây dựng	Tối thiểu 5 năm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05 Chương III; Hồ sơ năng lực

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
5	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự ⁽⁴⁾	Trong 5 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ⁽⁵⁾ hoặc hoàn thành phần lớn (ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng): - Tối thiểu 1 (một) công trình nhà kho/xưởng cấp II(6) có kết cấu dạng nhà khung thép tiền chế, trong đó khẩu độ chính đạt tối thiểu 70% khẩu độ công trình thuộc gói thầu đang xét, có giá trị⁽⁷⁾ ≥ 21.080.000.000 VND với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ. - Tối thiểu 1 (một) công trình hoặc hạng mục công trình có hệ thống chữa cháy và hệ thống báo cháy tự động có giá trị ≥ 1.120.000.000 VND với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ (Không đánh giá tiêu chí này trong trường hợp nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt đáp ứng các yêu cầu nêu tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương này).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 09 Chương III; Các tài liệu theo yêu cầu tại Mẫu số 09
6	Tình trạng pháp lý	Nhà thầu không đang trong tình trạng bị cơ quan có thẩm quyền thanh kiểm tra				Văn bản cam kết của nhà thầu

Ghi chú:

(1) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

(3) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong HSDX.

(4) Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được đánh giá.

(5) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(6) Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(7) Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Giá trị đánh giá kinh nghiệm chỉ tính đối với phần công việc do nhà thầu trực tiếp thực hiện và được nghiệm thu hoàn thành. Trường hợp thực hiện theo hình thức liên danh hoặc nhà thầu phụ thì phải cung cấp tài liệu chứng minh phạm vi và giá trị phần công việc đã thực hiện.

Trường hợp nhà thầu không có công trình xây lắp tương tự cấp II trở lên theo yêu cầu thì được phép:

+ Sử dụng 1 (một) công trình cấp III để xem xét thay thế với điều kiện các công trình này phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- Do nhà thầu trực tiếp thực hiện với tư cách nhà thầu chính, thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ;
- Giá trị hoàn thành đối với phần công việc trực tiếp thực hiện tối thiểu $\geq 70\%$ giá trị gói thầu đang xét;
- Là công trình công nghiệp có sử dụng hệ khung thép tiền chế;
- Có khẩu độ chính và diện tích xây dựng đạt tối thiểu 70% quy mô tương ứng của gói thầu đang xét;

+ Hoặc sử dụng 2 (hai) công trình cấp III để xem xét thay thế với điều kiện các công trình này phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- Do nhà thầu trực tiếp thực hiện với tư cách nhà thầu chính, thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ;
- Tổng giá trị hoàn thành phần công việc trực tiếp thực hiện của 02 công trình tối thiểu bằng 100% giá trị gói thầu đang xét, trong đó ít nhất 01 công trình có giá trị tối thiểu bằng 50% giá trị gói thầu đang xét;
- Các công trình đều là công trình công nghiệp có sử dụng hệ khung thép tiền chế;

- Ít nhất 01 trong 02 công trình phải có khâu độ chính hoặc diện tích xây dựng đạt tối thiểu 70% quy mô tương ứng của gói thầu đang xét ;

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu trong bảng dưới đây. Các nhân sự phải có hợp đồng lao động ký với nhà thầu còn hiệu lực:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Yêu cầu về chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng	1	Tối thiểu 7 năm	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp; - Có chứng chỉ/chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động còn hiệu lực; - Đã làm chỉ huy trưởng một công trình trình nhà kho/xưởng cấp II trở lên.
2	Cán bộ kỹ thuật	≥ 1	Tối thiểu 5 năm	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Có chứng chỉ/chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động còn hiệu lực; - Đã trực tiếp tham gia thi công một trình nhà kho/xưởng cấp II trở lên hoặc hai công trình cấp III cùng loại.
3	Cán bộ kỹ thuật	≥ 1	Tối thiểu 5 năm	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành cơ khí /chế tạo máy. - Có chứng chỉ/chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động còn hiệu lực; - Đã trực tiếp tham gia thi công một công trình trình nhà kho/xưởng cấp II trở lên hoặc hai công trình cấp III cùng loại.
4	Cán bộ phụ trách an toàn vệ sinh lao động	≥ 1	Tối thiểu 5 năm	- Tốt nghiệp đại học trở lên; - Có chứng chỉ/chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động còn hiệu lực. - Đã trực tiếp tham gia phụ trách an toàn vệ sinh lao động một công trình trình nhà kho/xưởng cấp II trở lên hoặc hai công trình cấp III cùng loại.
5	Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công về phòng cháy chữa cháy	≥ 1	Tối thiểu 5 năm	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành xây dựng hoặc các chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy - Đã trực tiếp tham gia thi công hạng mục phòng cháy chữa cháy cho công trình công nghiệp hoặc dân dụng.

Ghi chú:

Số năm kinh nghiệm của nhân sự tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu nộp kèm theo HSDX các tài liệu (bản chụp được chứng thực) để chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt bao gồm

- Bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và các tài liệu liên quan của nhân sự chủ chốt;
- Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc tài liệu hợp pháp thể hiện rõ loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật xây dựng để đối chiếu tính tương đương;
- Hợp đồng lao động ký với nhà thầu còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu;
- Bản chụp Căn cước công dân.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu
1	Máy đào dung tích gầu $\geq 0,8m^3$ (có giấy kiểm định còn hiệu lực)	1 chiếc
2	Ô tô tự đổ $\geq 7T$ (có giấy kiểm định còn hiệu lực)	2 chiếc
3	Máy lu tự hành trọng lượng tĩnh $\geq 10t$ (có giấy kiểm định còn hiệu lực)	1 chiếc
4	Cần cẩu trọng tải ≥ 10 tấn (có giấy kiểm định còn hiệu lực)	1 chiếc
5	Cần cẩu trọng tải ≥ 25 tấn (có giấy kiểm định còn hiệu lực)	2 chiếc
6	Máy nén khí năng suất $\geq 360 m^3/h$	2 chiếc
7	Máy mài công suất $\geq 1 kW$	1 chiếc
8	Máy cắt gạch đá - công suất $\geq 1,5 kW$	3 chiếc
9	Máy cắt đột - công suất $\geq 2,8 kW$	3 chiếc
10	Máy khoan đứng - công suất $\geq 4,5 kW$	3 chiếc
11	Máy toàn đạc (có giấy kiểm định/hiệu chuẩn còn hiệu lực)	1 cái
12	Máy thủy bình (có giấy kiểm định/hiệu chuẩn còn hiệu lực)	2 cái
13	Máy cắt uốn thép $\geq 5kW$	3 cái
14	Máy trộn bê tông dung tích $\geq 250l$	1 cái
15	Máy trộn vữa dung tích $\geq 150l$	1 cái

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu
16	Máy hàn $\geq 23\text{kW}$	5 cái
17	Máy đầm bàn công suất $\geq 1\text{ kW}$	2 cái
18	Máy đầm dùi công suất $\geq 1,5\text{ kW}$	2 cái
19	Máy đầm đất cầm tay	3 cái
20	Búa căn khí nén $3\text{m}^3/\text{ph}$	2 cái
21	Máy khoan bê tông cầm tay	1 cái
22	Máy phun bi 235 kW	1 cái

Ghi chú:

1. Các máy móc thiết bị thi công chính thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê. Nhà thầu phải cung cấp kèm theo HSĐX bản chụp chứng thực các tài liệu sau đây để chứng minh năng lực thiết bị thi công cho gói thầu:

a) *Đối với các thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu:*

- Tài liệu chứng minh thuộc sở hữu của nhà thầu: giấy đăng ký xe, máy, hóa đơn mua bán thiết bị;
- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy đăng kiểm, giấy kiểm định an toàn sử dụng thiết bị thi công còn hiệu lực.

b) *Đối với thiết bị đi thuê:*

- Hợp đồng/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị;
- Tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê (giấy đăng ký hoặc hóa đơn mua bán);
- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, đăng kiểm, kiểm định an toàn sử dụng thiết bị thi công còn hiệu lực.

2. Nhà thầu kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo các mẫu tại Chương III [Biểu mẫu dự thầu].

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt

a) Nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện thi công lắp đặt hệ thống PCCC phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy trong đó có lĩnh vực Thi công, lắp đặt hệ thống PCCC;
- Đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng) tối thiểu 1 (một) công trình hoặc hạng mục công trình nhà kho/xưởng có hệ thống chữa cháy và hệ thống báo cháy tự động có giá trị $\geq 1.120.000.000\text{ VND}$ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ.

Nhà thầu nộp kèm theo HSDX các tài liệu (bản chụp được chứng thực) để chứng minh năng lực và kinh nghiệm bao gồm:

- Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;
- Hợp đồng và các phụ lục; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình hoặc biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn của hợp đồng kê khai; Bảng xác nhận giá trị khối lượng thực hiện và hóa đơn hợp lệ của nhà thầu cho khối lượng đã hoàn thành (đối với hợp đồng đã hoàn thành phần lớn).

b) Nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện gia công và lắp dựng kết cấu thép" với các tiêu chuẩn năng lực tương tự như hạng mục PCCC (về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp và hợp đồng tương tự)

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

HSDX được đánh giá bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 1.000. HSDX có điểm đánh giá của từng mục không nhỏ hơn điểm tối thiểu và tổng số điểm đạt bằng hoặc vượt mức tổng điểm yêu cầu tối thiểu (700 điểm) thì sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính.

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
1	Giải pháp kỹ thuật	280	214
1.1	Hiểu biết về công trình và gói thầu	30	
a	Nhà thầu hiểu rõ đặc điểm của gói thầu, công trình và khu vực thi công xây dựng, nêu rõ các thuận lợi và khó khăn khi thực hiện gói thầu, các điều kiện thực tế của Chủ đầu tư ảnh hưởng tới công tác tổ chức thi công và đề xuất phương án khắc phục khó khăn (nếu có), phù hợp với đặc điểm vừa thi công vừa thực hiện hoạt động khai thác cảng của Chủ đầu tư.	15	
b	Trình bày hợp lý, đầy đủ các mối liên hệ giữa các bên trên công trường (chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, các cơ quan chức năng...)	15	
1.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu của vật tư	80	
a	Nhà thầu lập bảng kê khai đầy đủ các loại vật liệu, vật tư chủ yếu lắp đặt vào công trình đáp ứng yêu cầu nêu tại Chương IV của HSYC, nêu rõ chủng loại, mã hiệu hàng hóa (nếu có), nguồn gốc, nhà sản xuất, quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, vật liệu. Nhà thầu không chào đầy đủ các nội dung yêu cầu hoặc chào nhiều hơn 1 thông tin (xuất xứ, nhà sản xuất, mã hiệu, nhãn mác...) cho một chủng loại vật liệu, vật tư thì được đánh giá là không đầy đủ, không hợp lệ và bị trừ 2 điểm, tối đa 20 điểm.	20	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
	- Xi măng; - Cát, đá các loại; - Gạch các loại; - Cốt thép; - Bê tông thương phẩm; - Thép kết cấu, tôn lợp; - Sơn sắt thép; - Dây cáp điện; - Vật tư điện, nước; - Vật tư cho hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống hút khói.		
b	Nhà thầu chứng minh khả năng cung cấp vật tư, chính đáp ứng yêu cầu của gói thầu bằng hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận cung cấp ký với đơn vị cung cấp đủ tư cách (Nhà thầu đính kèm hợp đồng nguyên tắc và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của đơn vị cung cấp). Mỗi chủng loại vật tư, vật liệu, vật tư không đáp ứng yêu cầu trên bị trừ 2 điểm, tối đa 20 điểm.	20	
c	Năng lực cơ sở gia công kết cấu thép (kết cấu phần thân): Nhà thầu chứng minh có đủ năng lực gia công chế tạo kết cấu thép cho gói thầu: - Nếu tự có: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà xưởng gia công kết cấu thép (kết cấu phần thân) (giấy tờ, hình ảnh). - Nếu thuê: Hợp đồng nguyên tắc thuê nhà xưởng gia công kết cấu thép (kết cấu phần thân) còn hiệu lực kèm theo hồ sơ năng lực của đơn vị cho thuê .	40	
1.3	Tổ chức mặt bằng công trường	40	
a	Có đầy đủ thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường đầy đủ các công trình tạm: ban chỉ huy công trường, kho bãi tập kết máy móc thi công, kho bãi tập kết vật tư, thiết bị công trình, đường tạm phục vụ thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải... cho các giai đoạn thi công, phù hợp với mặt bằng hiện hữu của Chủ đầu tư, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác của Chủ đầu tư. Bố trí mặt bằng hợp lý, thuận tiện, phù hợp với hiện trạng mặt bằng công trình và tính chất công trình, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Chủ đầu tư. Bản vẽ bố trí công trình tạm có kích thước cụ thể	30	
b	Thuyết minh giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công phù hợp	10	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
	với điều kiện công trường và đặc điểm của gói thầu		
1.4	Sơ đồ bộ máy chỉ đạo điều hành thi công và bố trí nhân lực cho gói thầu	40	
a	Có sơ đồ hệ thống tổ chức nhân sự của nhà thầu trên công trường hợp lý, thể hiện đầy đủ bộ máy quản lý gồm cán bộ chủ chốt, các bộ phận quản lý tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, hành chính, kế toán, vật tư, thiết bị, quản lý an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC, các tổ đội thi công.	20	
b	Thuyết minh mô tả trách nhiệm, quyền hạn của các cán bộ chủ chốt, nhiệm vụ của các bộ phận, tổ đội thi công, mối quan hệ giữa các bộ phận một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, biện pháp thi công, tiến độ thi công	20	
1.5	Giải pháp kỹ thuật cho các công tác chính Giải pháp phù hợp với điều kiện thi công thực tế, đặc điểm công trình và yêu cầu kỹ thuật của HSDX gồm đầy đủ các nội dung sau:	90	
a	Công tác tiếp nhận mặt bằng	10	
b	Kế hoạch chuẩn bị khởi công đầy đủ các nội dung gồm công tác chuẩn bị công trường, bố trí công trình tạm, huy động vật tư, nhân lực, máy móc thiết bị, thực hiện các thủ tục liên quan...	10	
c	Giải pháp thi công các công tác (công tác đất, công tác bê tông các cấu kiện, nền đường, nền kho; công tác bê tông mương thoát nước, hồ ga; công tác xây trát sơn tường gạch; công tác lợp tôn bao che mái, tường; công tác thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống hút khói; thi công lắp đặt điện nước...)	30	
d	Giải pháp thi công tác kết cấu thép nhà kho (kết cấu phân thân) cho các công tác: - Gia công chế tạo và thi công lắp dựng, sơ đồ cầu lắp, giải pháp chống mất ổn định khi lắp dựng; - Sơn chống cháy.	30	
e	Giải pháp trắc đạc, định vị công trình phù hợp với thiết kế và hiện trạng công trình, trong đó thể hiện cách xác định các mốc, tim trục, cao độ của các hạng mục công trình, kiểm soát cao độ hoàn thiện nền nhà kho, nền đường, bãi.	10	
2	Biện pháp tổ chức thi công	300	210

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình. Biện pháp phải hợp lý, khả thi, phù hợp với thiết kế, phù hợp với điều kiện công trường, với yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thi công. Có bản vẽ minh họa biện pháp thi công thể hiện kích thước phù hợp với thiết kế. Hạng mục công việc không có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công hoặc biện pháp không đáp ứng yêu cầu trên không được tính điểm.		
2.1	Đường tạm phục vụ thi công	10	
2.2	Thi công nền móng kho	50	
2.3	Gia công lắp dựng kết cấu thép (kết cấu phần thân)	50	
2.4	Thi công tường bê tông, tường gạch xây	30	
2.5	Thi công tôn lợp, bao che, lắp dựng cửa đi, cửa sổ	40	
2.6	Thi công hoàn thiện tường	20	
2.7	Thi công sơn chống cháy	20	
2.8	Lắp đặt hệ thống cấp điện, thoát nước	20	
2.9	Lắp đặt hệ thống PCCC	50	
2.10	Vệ sinh hoàn trả hiện trạng	10	
3	Tiến độ thi công	80	60
3.1	Biểu tiến độ thi công: Nhà thầu nộp kèm biểu tiến độ thi công lập chi tiết, hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế hiện trường và đặc điểm công trình, với yêu cầu của HSYC và với biện pháp tổ chức thi công, năng lực máy móc, nhân sự của nhà thầu.	20	
3.2	Thời gian hoàn thành công trình dự kiến có tính đến điều kiện thời tiết và các ngày nghỉ theo quy định kể từ ngày ký hợp đồng: Mỗi ngày hoàn thành công trình sớm hơn tiến độ yêu cầu được cộng 1 (một) điểm, tối đa 20 (hai mươi) điểm Nhà thầu gửi kèm theo thuyết minh các biện pháp, công nghệ, sáng kiến có tính khả thi nhằm rút ngắn tiến độ.	20	
3.3	Biểu đồ huy động nhân sự, thiết bị thi công, vật tư phù hợp với biểu tiến độ thi công.	20	
3.4	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện hoặc khi gặp sự cố phù hợp với điều kiện công trường, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi	20	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
	công, cho phép hạn chế tối đa ảnh hưởng do mất điện, do các yếu tố thời tiết và các sự cố khác.		
4	Biện pháp bảo đảm chất lượng	100	70
4.1	Nhà thầu có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát chất lượng hợp lý, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công (kể cả với nhà thầu phụ).	30	
4.2	Biện pháp, quy trình quản lý chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị công trình (tổ chức tự giám sát, kiểm tra vật tư vật liệu đầu vào, lưu kho bãi, thực hiện lấy mẫu, thí nghiệm kiểm tra chất lượng...) hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.	15	
4.3	Biện pháp bảo đảm chất lượng các công tác thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	20	
4.4	Nhà thầu có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ điều kiện hành nghề thí nghiệm, kiểm định xây dựng về việc thí nghiệm vật liệu, kiểm định chất lượng công trình theo quy định (nộp kèm theo HSDX Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng do Bộ Xây dựng cấp cho đơn vị thí nghiệm, kiểm định).	10	
4.5	Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu.	5	
4.6	Biện pháp bảo quản vật tư, thiết bị, công trình khi mưa bão	5	
4.7	Biện pháp quản lý chất lượng máy móc thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	5	
4.8	Biện pháp quản lý hồ sơ kỹ thuật công trình (nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu, hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công...), hồ sơ thanh quyết toán và các tài liệu liên quan khác	5	
4.9	Biện pháp sửa chữa hư hỏng, phương án khắc phục khi có sự cố xảy	5	
5	Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, phòng chống lụt bão	90	60
5.1	Thuyết minh biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác hại từ các yếu tố tiếng ồn, bụi, khói, rung chấn, nước thải, rác thải... phù hợp với đặc điểm công trình và biện pháp tổ chức thi công. Có bản vẽ minh họa.	20	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
5.2	Nhà thầu có hợp đồng nguyên tắc về việc thu gom vận chuyển rác thải ký với đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cho phép vận hành bãi chứa chất thải hoặc với đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải được phép khai thác bãi chứa chất thải hợp pháp (Nhà thầu gửi kèm tài liệu chứng minh).	10	
5.3	Thuyết minh biện pháp phòng chống cháy nổ gồm đầy đủ các nội dung sau: - Các giải pháp, biện pháp, phòng chống cháy, nổ kèm bản vẽ minh họa; - Trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; - Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy, nổ của nhà thầu	15	
5.4	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, gồm đầy đủ các nội dung: - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; - Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị	15	
5.5	Biện pháp bảo đảm an toàn cho công trình và con người trong và xung quanh công trường trong quá trình thi công. Thuyết minh biện pháp hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công; có phương án khảo sát hiện trạng trước khi thi công và biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố trong quá trình thi công.	10	
5.6	Biện pháp duy trì giao thông và bảo đảm an toàn giao thông trong và ngoài công trường trong thời gian thi công; Thuyết minh biện pháp hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công	10	
5.7	Biện pháp phòng chống lụt bão, đảm bảo an toàn cho công trình, con người và phương tiện thi công khi có thiên tai mưa bão, lũ lụt xảy ra	10	
6	Bảo hành, bảo trì	70	
6.1	Phương án bảo hành:		
a	Nhà thầu có thuyết minh phương án bảo hành hợp lý, đầy đủ;	20	

TT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
b	Đề xuất thời gian bảo hành kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trên 12 tháng: mỗi tháng bảo hành thêm được tính 2,5 điểm, tối đa 20 điểm.	20	
c	Cam kết về thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố: cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại hiện trường trong vòng 24 giờ để khảo sát và tiến hành khắc phục sự cố trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu bảo hành.	15	
6.2	Phương án bảo trì:		
a	Nhà thầu có thuyết minh về phương án bảo trì hợp lý, đầy đủ;	10	
b	Có cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì khi Chủ đầu tư yêu cầu	5	
7	Yêu cầu khác	70	
7.1	Trình bày HSDX: HSDX được trình bày khoa học, mạch lạc, dễ theo dõi, có đầy đủ mục lục hồ sơ.	20	
7.2	Nhà thầu đã đạt giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng hoặc được nhận bằng khen, giấy khen do các bộ, ngành cấp (Nhà thầu cung cấp các thông tin và tài liệu về giải thưởng chất lượng công trình, bằng khen, giấy khen để làm căn cứ đánh giá)	15	
7.3	Uy tín của nhà thầu: - Nhà thầu không vi phạm các hành vi quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nhà thầu đang không trong thời gian bị bất kỳ cơ quan hay tổ chức nào cấm tham gia hoạt động đấu thầu; chưa bị bất kỳ cơ quan, tổ chức nào kết luận là có hành vi không trung thực trong đấu thầu. - Trong vòng 3 năm trở lại đây, Nhà thầu không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bị bỏ dở do lỗi của nhà thầu	20	
7.5	Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ BHXH quý gần nhất (chứng minh bằng văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận đã nộp BHXH đến hết Quý I năm 2026)	15	
	Tổng cộng	1.000	700

Nguyên tắc chấm điểm các tiêu chí đánh giá chi tiết:

- Chuyên gia đấu thầu căn cứ vào mức độ đầy đủ, khả thi, hợp lý của đề xuất kỹ thuật để chấm điểm.
- Nhà thầu có đề xuất kỹ thuật đầy đủ, khả thi, hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của HSYC đạt 100% số điểm của tiêu chí đó.
- Nhà thầu không có đề xuất hoặc đề xuất hoàn toàn không khả thi, không hợp lý bị đánh giá 0 điểm.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Áp dụng phương pháp giá thấp nhất. Xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú [1]);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú [2]);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDX đáp ứng căn bản HSYC, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá dự thầu và thành tiền thì lấy đơn giá dự thầu làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được

hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Chủ đầu tư cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một công việc trong biểu giá dự thầu của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá dự thầu thì lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với công việc này trong số các HSDX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong biểu giá dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong biểu giá dự thầu của nhà thầu này; trường hợp biểu giá dự thầu của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU DỰ THẦU

DANH MỤC BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01. Đơn dự thầu

Mẫu số 02. Bảo lãnh dự thầu

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04 Bảng giá dự thầu

Mẫu số 05. Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 06. Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu

Mẫu số 07. Nguồn lực tài chính

Mẫu số 08. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện

Mẫu số 09. Hợp đồng tương tự

Mẫu số 10. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt

Mẫu số 11. Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt

Mẫu số 12. Bản kinh nghiệm chuyên môn

Mẫu số 13. Bảng kê khai thiết bị

Mẫu số 14. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ

Mẫu số 15. Bản kê khai nhà thầu phụ đặc biệt

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu HSYC, chúng tôi,

Tên nhà thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC với giá dự thầu (tổng số tiền là ____ [*ghi giá trị và đồng tiền dự thầu*] cùng với các Bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDX: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: ____ [*ghi giá trị bằng số và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Số tiền bằng chữ: ____ [*ghi giá trị bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: ____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của HSYC.
10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.(3)
11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDX.

BẢO LÃNH DỰ THẦU**Bên thụ hưởng:** *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]***Ngày phát hành bảo lãnh:** *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽¹⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽²⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[ghi bằng chữ]* *[ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;

2. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 32.1 – Chương I [Chỉ dẫn nhà thầu] của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn

hiệu lực của hồ sơ đề xuất.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 CDNT.

(2) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 20.1 CDNT.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày:

Gói thầu: _____

Thuộc dự án: _____

Căn cứ _____

Căn cứ HSYC Gói thầu: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án _____.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDX cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

Ghi chú:

- (1) Cập nhật các văn bản làm căn cứ.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

Danh mục các hạng mục công việc của gói thầu cùng với đơn vị đo lường và khối lượng mời thầu trong Bảng tiên lượng mời thầu tại Phụ lục 1 đính kèm HSYC.

Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho từng công việc tương ứng trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Nhà thầu phải ghi giá trọn gói (thành tiền) cho từng công việc cụ thể. Tổng giá của tất cả các công việc thuộc hạng mục sẽ là giá dự thầu cho hạng mục đó.

TT	Mô tả công việc mời thầu	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1					
2					
3					
4					
...					
CỘNG					

Ghi chú:

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

Những công tác trong bảng tiên lượng dự thầu và bảng khối lượng bổ sung (nếu có) giống nhau thì phải có cùng đơn giá. Trong trường hợp một công tác mà có hai đơn giá khác nhau thì Chủ đầu tư có quyền chọn đơn giá thấp hơn để kiểm tra và tính toán.

Đơn giá chào thầu được xem như đã bao gồm chi phí vật liệu, thiết bị, nhân công, máy thi công, chi phí thí nghiệm, chi phí vận chuyển, chi phí phục vụ thi công (lắp dựng dàn giáo, vận chuyển vật tư lên cao, thiết lập hệ thống bao che công trình...), biện pháp thi công, chi phí quản lý và các chi phí liên quan khác.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____
Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Chỉ tiêu	Số liệu tài chính trong 3 năm gần nhất (VND)		
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn chủ sở hữu			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Nhà thầu đính kèm bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác

nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH ⁽¹⁾

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng)^(*) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 08b Chương này.

STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
4		
5		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 08b).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá [Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu] trong Mục 2.1 Chương II.

Trường hợp trong HSDX, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín

dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá [Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu] Mục 2.1 Chương II thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 08b.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(*) Hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức còn được sử dụng) là tổng hạn mức tín dụng còn lại trong tất cả Hợp đồng tín dụng mà Nhà thầu được phép sử dụng.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN ⁽¹⁾**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) ⁽²⁾	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) ⁽³⁾	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III ⁽²⁾			
1. Loại kết cấu, loại và cấp công trình	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>		

Ghi chú:

(2) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(3) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(4) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

(5) Nhà thầu nộp kèm theo HSĐX các tài liệu sau để chứng minh:

- Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt dự án hoặc các tài liệu hợp pháp để chứng minh loại kết cấu, loại và cấp công trình;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc biên bản thanh lý hợp đồng;
- Hóa đơn tài chính của hợp đồng đã thực hiện và kê khai;
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng thực hiện và hóa đơn hợp lệ của nhà thầu cho khối lượng đã hoàn thành (đối với hợp đồng đã hoàn thành phần lớn).

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu kê khai các thông tin chi tiết về nhân sự chủ chốt theo Mẫu số 11 và Mẫu số 12 Chương này.

Nhà thầu phải kê khai nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động nhân sự để tham gia thực hiện gói thầu; không kê khai nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1		
2		
3		

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan và Hợp đồng lao động ký với nhà thầu còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu hoặc tài liệu khác chứng minh khả năng sẵn sàng huy động cho gói thầu.

Vị trí			
Thông tin nhân sự	Tên	Căn cước công dân	Ngày, tháng, năm sinh:
	Chứng chỉ/ Trình độ chuyên môn		
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động		
	Địa chỉ của người sử dụng lao động		
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	
	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)		
	Điện thoại/email		

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...

Ghi chú:

- Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.
- Nhà thầu đính kèm HSDX văn bản xác nhận của Chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu có tên nhân sự hoặc tài liệu khác chứng minh kinh nghiệm nhân sự đã tham gia công trình tương tự trước đây.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ

Nhà thầu kê khai những thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính nêu tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.

Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với mỗi loại thiết bị:

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất	Năm sản xuất
	Tính năng	Xuất xứ
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án	

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

(7) Nhà thầu gửi kèm theo hồ sơ năng lực của nhà thầu phụ, trong đó bao gồm giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng chỉ năng lực, hợp đồng tương tự đã thực hiện.

BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT ⁽¹⁾

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2.3 Mục 2 Chương II.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt ⁽²⁾	Phạm vi công việc	Khối lượng công việc ⁽³⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁴⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt ⁽⁵⁾
1		Cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy			

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSĐX.

CHƯƠNG IV. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

I. GIỚI THIỆU VỀ GÓI THẦU

1. Thông tin tóm tắt

- Tên dự án: ĐTXD Kho hàng chuyên dụng số 2 - Cảng Quy Nhơn
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu của Chủ đầu tư
- Tên gói thầu: Gói thầu XL-08: Toàn bộ khối lượng thi công
- Địa điểm xây dựng: trong phạm vi Cảng Quy Nhơn hiện hữu có địa chỉ tại số 2

Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. Vị trí xây dựng Kho hàng chuyên dụng số 2 Cảng Quy Nhơn nằm trong vùng đất của cảng tiếp giáp với kho hàng số 1 đang khai thác và hệ thống đường nội bộ của cảng. Trong quy hoạch chi tiết mở rộng Cảng Quy Nhơn, vị trí dự án thuộc khu vực kho KB.2.2, nằm ở phía Nam của cảng.

- Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng Kho hàng chuyên dụng số 2 nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ và khai thác hàng hóa tại Cảng Quy Nhơn, đặc biệt đối với các mặt hàng viên gỗ nén, thức ăn gia súc và một số loại hàng rời có nhu cầu lưu trữ dài hạn. Dự án góp phần nâng cao năng lực khai thác kho bãi, cung cấp dịch vụ lưu trữ hàng hóa ổn định, an toàn và hiện đại, đồng thời từng bước thay thế các kho cũ đã xuống cấp, giảm chi phí sửa chữa, bảo trì, đáp ứng các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định. Bên cạnh đó, dự án góp phần cụ thể hóa việc thực hiện Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, hoàn thiện hạ tầng logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Cảng Quy Nhơn.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp cấp II
- Thời hạn hoàn thành: 120 ngày kể từ ngày khởi công.

2. Quy mô công trình

2.1. Thông số kho hàng

Kho chứa hàng có các thông số chính như sau:

- Số tầng: 1
- Chiều dài kho (tính trực): 115 m.
- Chiều rộng (tính trực): 56 m.
- Diện tích (tính trực): 6.440 m².
- Chiều cao đầu cột (từ nền kho): 10 m.
- Chiều cao thông thủy (mép dưới vì kèo): 8,61m.
- Chiều cao đỉnh mái (từ nền kho): 16,78 m.
- Chiều cao nền kho so với mặt bãi: tối thiểu 20 cm

2.2. Giải pháp thiết kế

Xem Phụ lục 3 [Thuyết minh thiết kế] đính kèm HSYC.

II. YÊU CẦU KỸ THUẬT THI CÔNG

1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng thi công

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng trong quá trình thi công được liệt kê trong Phụ lục 2 [Chỉ dẫn kỹ thuật] đính kèm HSYC.

2. Các yêu cầu về vật liệu

Yêu cầu về vật liệu quy định trong Phụ lục 2 [Chỉ dẫn kỹ thuật] đính kèm HSYC.

3. Trình tự thi công chủ đạo

Yêu cầu về trình tự thi công quy định trong Phụ lục 2 [Chỉ dẫn kỹ thuật] đính kèm HSYC.

4. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

Nhà thầu phải tuân thủ quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, cụ thể như sau:

- (1) Nhà thầu thi công công trình xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.
- (2) Lập và thông báo cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình của nhà thầu. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu.
- (3) Trình chủ đầu tư chấp thuận các nội dung sau:
 - Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;
 - Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; thiết kế biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp, bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình;
 - Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;
 - Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng.
- (4) Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan,
- (5) Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng trong việc mua sắm, chế tạo, sản xuất vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình.

- (6) Thực hiện các công tác thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng.
- (7) Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, hồ sơ thiết kế. Kịp thời thông báo cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát nếu phát hiện sai khác giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng xây dựng và điều kiện hiện trường trong quá trình thi công. Tự kiểm soát chất lượng thi công xây dựng theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các công việc xây dựng phải được lập theo quy định và phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường.
- (8) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).
- (9) Thực hiện trắc đạc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu.
- (10) Lập nhật ký thi công theo quy định.
- (11) Lập bản vẽ hoàn công theo quy định.
- (12) Yêu cầu Tư vấn giám sát thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
- (13) Báo cáo Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và yêu cầu đột xuất của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.
- (14) Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng xây dựng có thỏa thuận khác.

Việc kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình sẽ được thể hiện trong hợp đồng. Tuy vậy, nhà thầu lưu ý thêm những vấn đề sau:

- Việc kiểm tra chất lượng được tiến hành, khi được nhà thầu thông báo đề nghị nghiệm thu chất lượng hạng mục công trình để chuyển tiếp giai đoạn thi công hoặc kết thúc công tác xây lắp hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư trong quá trình thi công khi giám sát kỹ thuật thi công thấy không đảm bảo và tin cậy về mặt kỹ thuật.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng vật liệu, sản phẩm mình đã thi công và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, chứng chỉ vật liệu và các thành phần cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giai đoạn thi công bằng văn bản có tư cách pháp nhân xác định. Các số liệu trên làm một trong các căn cứ để nghiệm thu công trình.

- Nhà thầu phải thực hiện bất kỳ những việc kiểm tra và thí nghiệm cần thiết khác

dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát khi xét thấy cần thiết để đảm bảo chất lượng công trình.

- Khi kiểm tra chất lượng công trình hoặc các vật liệu thi công nếu kết quả không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì nhà thầu phải sửa chữa ngay hoặc tháo dỡ sản phẩm đó. Đồng thời nhà thầu phải tiến hành thí nghiệm và có chứng chỉ chất lượng của việc sửa chữa đó bằng chính kinh phí của mình.

- Sai số cho phép: Các sai số trong đo đạc định vị kết cấu phải nằm trong phạm vi giới hạn cho phép do thiết kế và quy phạm xây dựng hiện hành.

- Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cho những việc phát sinh cần phải làm do định vị vị trí của các cấu kiện không phù hợp với các chỉ dẫn nói trên.

5. Yêu cầu về thí nghiệm kiểm tra chất lượng

Nhà thầu thực hiện tất cả các thí nghiệm thuộc trách nhiệm của mình theo đúng quy định hiện hành và theo chỉ dẫn kỹ thuật thi công. Nhà thầu chịu mọi chi phí thí nghiệm để kiểm tra chất lượng công trình xây dựng theo yêu cầu.

Sau khi thi công hoàn thành công trình, trước khi nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, nhà thầu phải phải tổ chức nghiệm thu nội bộ đảm bảo an toàn và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Nếu có sai sót gì nhà thầu phải khắc phục ngay.

6. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công

Tùy theo biện pháp thi công của nhà thầu, nhà thầu xây dựng biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công công trình đảm bảo tiến độ đã đề ra và đạt năng suất, chất lượng tốt, Yêu cầu nhà thầu phải có năng lực thiết bị cơ bản để thi công tối thiểu theo yêu cầu của HSYC;

Nhà thầu phải lập bảng liệt kê chi tiết danh mục, số lượng thiết bị thi công đảm bảo có công suất và tính năng phù hợp, chất lượng còn tốt, có kiểm định theo quy định, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường; phải chứng minh được số lượng thiết bị sẵn có thi công công trình và khả năng huy động thiết bị thi công để thực hiện gói thầu.

Biện pháp do nhà thầu lập phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có sơ đồ tổ chức nhân lực phù hợp với tiến độ thi công và mặt bằng thi công công trình.

- Có danh mục đầy đủ các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công, ghi rõ tên máy, thời gian sản xuất, công suất, hình thức sở hữu.

- Biểu đồ huy động nhân lực, máy móc thiết bị thi công hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công (số lượng, thời gian huy động).

- Lựa chọn máy móc thiết bị có công suất và đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của công trình.

- Các thông tin, số liệu đưa ra trong biểu đồ, kế hoạch phải phù hợp các thông tin về chuyên môn có liên quan.

- Bố trí đủ số lượng, chủng loại thiết bị thi công, thiết bị thí nghiệm đang sử dụng tốt, phù hợp với tính chất gói thầu để đáp ứng yêu cầu thi công nhanh, đảm bảo chất lượng.

- Trước khi ký hợp đồng, trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư giấy tờ chứng minh quyền sử dụng nhà xưởng sản xuất kết cấu thép tiền chế hoặc thỏa thuận hợp tác/hợp đồng nguyên tắc với một đơn vị chuyên gia công chế tạo kết cấu thép tiền chế để chứng minh năng lực cung ứng kết cấu thép. Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này sẽ không được xem xét ký kết hợp đồng.

7. Công tác phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

7.1. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường

- Trong quá trình thi công không khí trong khu vực sẽ bị nhiễm bụi do máy móc thi công, do vật liệu, do xe ô tô vận chuyển nguyên vật liệu đi lại nhiều... Các nhà thầu phải có biện pháp giảm bụi bằng cách: Phun nước nền đường, xe ô tô chở cát, đất đá phải có phủ bạt, tránh tiếng ồn quá lớn ở những khu vực đông dân cư vào ban đêm.

- Trong quá trình thi công nhất định sẽ ảnh hưởng đến điều kiện sinh hoạt của nhân dân. Trẻ em đi học, người lớn đi làm, đi chợ... Do vậy các nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối cho chính họ và nhân dân trong vùng như:

- Cắm biển báo hiệu cho xe ra vào trong công trường.
- Có cán bộ thường xuyên kiểm tra an toàn lao động, an toàn giao thông.
- Phải có các trạm cấp cứu và cán bộ y tế thường trực.

- Ngoài ra còn quan tâm đến nước sinh hoạt, thực phẩm có chất lượng để cung cấp cho công nhân đảm bảo sức khỏe làm việc. Các nhà thầu thường xuyên nhắc nhở công nhân giữ vệ sinh chung trên công trường.

7.2. Công tác an toàn trong phòng chống cháy nổ

- Phòng cháy là hệ thống các biện pháp tổ chức và kỹ thuật nhằm ngăn ngừa không cho đám cháy xảy ra, hạn chế đám cháy lan rộng, thực hiện dập tắt đám cháy có hiệu quả để tạo điều kiện đảm bảo thoát người và tài sản được an toàn.

- Biện pháp về tổ chức: Tuyên truyền giáo dục, vận động công nhân ở hiện trường chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh phòng cháy, chữa cháy của nhà nước.

- Biện pháp kỹ thuật: Áp dụng đúng đắn các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình quy phạm về bố trí mặt bằng thi công, kho bãi, nơi chứa nguyên, nhiên, vật liệu...

- Biện pháp an toàn khi vận hành: Sử dụng bảo quản thiết bị máy móc, lán trại, nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất và trong sinh hoạt. Không để phát sinh cháy.

- Các biện pháp nghiêm cấm: Cấm dùng lửa, đánh diêm hút thuốc ở những nơi cấm lửa hoặc gần chất dễ cháy.

7.3. Đảm bảo an toàn cho công trình

- Trong quá trình thi công, phải tiến hành các biện pháp hợp lý, tránh làm hư hỏng

các công trình xung quanh như công trình kiến trúc văn hoá, hệ thống thủy lợi, mạng lưới đường dây điện, thông tin liên lạc, đường xá, cầu cống, nhà cửa, tài sản của nhân dân... Trong trường hợp bất khả kháng, Nhà thầu phải báo cáo Chủ đầu tư để có biện pháp kịp thời để khắc phục.

- Xe chở vật liệu, xe thi công được sử dụng theo đúng chức năng của từng loại, không chở quá tải gây hỏng hóc cho đường và các công trình xây lắp trên đó.

7.4. Phương án phòng chống lụt bão

Khi dự thầu và tổ chức triển khai thi công, nhà thầu phải lập phương án phòng chống lụt bão cụ thể, chi tiết, có tính khả thi với mục đích đảm bảo an toàn cho con người, phương tiện và công trình khi có thiên tai mưa bão, lũ lụt xảy ra. Phương án phòng chống lụt bão phải được chủ đầu tư, tư vấn giám sát thông qua trước khi thi công.

8. Công tác báo cáo, lập hồ sơ hoàn công

Nhà thầu phải lập sổ nhật ký thi công và ghi chép đầy đủ, hàng ngày mọi thông tin liên quan; cử đại diện có thẩm quyền tham dự các cuộc họp giao ban và họp đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát.

Nhà thầu phải có báo cáo định kỳ về tình hình thi công, báo cáo bất thường về về bất kỳ tai nạn, sự cố hoặc hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn hoặc hư hỏng nghiêm trọng, Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất.

Nhà thầu chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

9. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

Công trình được bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

Quy trình bảo trì công trình trong Phụ lục 5 đính kèm HSYC. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ quy trình bảo trì và các tài liệu liên quan phục vụ công tác bảo trì đối với các thiết bị công trình do nhà thầu cung cấp.

10. Đấu thầu bền vững

Nhà thầu được khuyến khích áp dụng các biện pháp đấu thầu bền vững trong thi công xây dựng công trình đảm bảo thân thiện với môi trường và xã hội, bao gồm nhưng không giới hạn trong:

- Sử dụng vật tư thân thiện với môi trường: vật tư, vật liệu, thiết bị được chứng nhận nhân năng lượng, nhân sinh thái, vật liệu không nung, vật liệu bền vững, thân thiện môi trường, vật liệu có khả năng tái chế, tái sử dụng...

- Sử dụng nguyên vật liệu được cung cấp tại địa phương hoặc lân cận;

- Áp dụng biện pháp thi công, dây chuyền công nghệ thi công cho phép hạn chế mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực tới mặt bằng, khu vực thi công...

III. BẢN VẼ

File Bản vẽ và Thuyết minh thiết kế đính kèm HSYC (Phụ lục 3, Phụ lục 4).

CHƯƠNG V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: _____

GÓI THẦU XL-08:	TOÀN BỘ KHỐI LƯỢNG THI CÔNG
DỰ ÁN:	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHO HÀNG CHUYÊN DỤNG SỐ 2 – CẢNG QUY NHƠN
ĐỊA ĐIỂM:	PHƯỜNG QUY NHƠN, TỈNH GIA LAI

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Và

.....

MỤC LỤC

Phần 1- Các căn cứ ký kết Hợp đồng

Phần 2- Các điều khoản và điều kiện Hợp đồng

Điều 1. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 2. Các định nghĩa và diễn giải

Điều 3. Các quy định chung

Điều 4. Khối lượng và phạm vi công việc

Điều 5. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 6. Thay đổi, điều chỉnh Giá Hợp đồng

Điều 7. Tiến độ thi công và thời hạn hoàn thành

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng

Điều 11. Nhà thầu phụ

Điều 12. Quy định về việc sử dụng lao động

Điều 13. Vật liệu, thiết bị và tay nghề của Nhà thầu

Điều 14. Yêu cầu về chất lượng thi công và nghiệm thu

Điều 15. Phạt do vi phạm hợp đồng

Điều 16. Tư vấn giám sát

Điều 17. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng

Điều 18. Rủi ro và trách nhiệm

Điều 19. Bảo hiểm

Điều 20. Bất khả kháng

Điều 21. Khiếu nại và xử lý tranh chấp

Điều 22. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Điều 23. Điều khoản chung

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;
- Quyết định số: 91/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Đầu tư xây dựng kho hàng chuyên dụng số 2 - Cảng Quy Nhơn;
- Quyết định số ____/QĐ-QNP, ngày ____/____/2026 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thi công xây dựng thuộc Dự án đầu tư xây dựng kho hàng chuyên dụng số 2 - Cảng Quy Nhơn;
- Biên bản thương thảo hợp đồng thi công xây dựng thuộc Dự án đầu tư xây dựng kho hàng chuyên dụng số 2 - Cảng Quy Nhơn.

PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2026, tại văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ

- Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**
- Đại diện là : Chức vụ:
- Địa chỉ :
- Điện thoại : Fax: Email :
- Mã số thuế :
- Tài khoản :

2. NHÀ THẦU

- Tên đơn vị :
- Đại diện là : Chức vụ:
- Địa chỉ :
- Điện thoại : Fax: Email :
- Mã số thuế :
- Tài khoản :

Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**. Các bên tại đây thống nhất thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

Hồ sơ Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết Hợp đồng, các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu cấu thành Hợp đồng, được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1.1 Phụ lục:

Phụ lục 1: [Biểu giá hợp đồng];

Phụ lục 2: [Bảng tiến độ thi công];

Phụ lục 3: [Bảng yêu cầu về chủng loại vật tư];

Phụ lục 4: [Danh sách nhân sự chủ chốt];

Phụ lục 5: [Quy định phạt do vi phạm nội quy công trường];

1.2 Biên bản thương thảo hợp đồng;

1.3 Hồ sơ đề xuất (HSĐX) của Nhà thầu và tài liệu kèm theo trong quá trình thực hiện hợp đồng được Chủ đầu tư chấp thuận (nếu có);

1.4 Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và các tài liệu bổ sung (nếu có);

- 1.5 Bản vẽ thiết kế;
- 1.6 Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng, bảo lãnh bảo hành;
- 1.7 Các tài liệu, phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 2. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

- 2.1 “Chủ đầu tư” là CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN.
- 2.2 “Nhà thầu” là
- 2.3 “Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.
- 2.4 “Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
- 2.5 “Tư vấn giám sát” là nhà thầu tư vấn được Chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình (sau đây gọi tắt là TVGS).
- 2.6 “Tư vấn thiết kế” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.
- 2.7 “Nhà thầu phụ” là tổ chức có tên trong danh sách nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận.
- 2.8 “Dự án” là Dự án ĐTXD Kho hàng chuyên dụng số 2 – Cảng Quy Nhơn.
- 2.9 “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành và duy tu bảo dưỡng công trình, gồm toàn bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 1 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 2.10 “Chỉ dẫn kỹ thuật” là các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định cho công trình và bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung cho các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật đó.
- 2.11 “Bản vẽ thiết kế” là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật của công trình và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành và cấp cho Nhà thầu.
- 2.12 “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh.
- 2.13 “Ngày” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 2.14 “Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
- 2.15 “Ngày khởi công” là ngày Chủ đầu tư phát lệnh khởi công sau khi ký hợp đồng với nhà thầu;
- 2.16 “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận tại Khoản 7.2

- 2.17 “Công trình” là công trình Kho hàng chuyên dụng số 2 – Cảng Quy Nhơn mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng.
- 2.18 “Hạng mục công trình” là một phần công trình.
- 2.19 “Công trình tạm” là các công trình do Nhà thầu thiết kế, thi công, lắp đặt và tháo dỡ, nhằm mục đích phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình .
- 2.20 “Công trường” là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng.
- 2.21 “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc thực hiện và hoàn thành công trình;
- 2.22 “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;
- 2.23 “Thời hạn bảo hành” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao

ĐIỀU 3. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

3.1 Luật và ngôn ngữ

- a) Hợp đồng chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật pháp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
- b) Ngôn ngữ giao dịch là tiếng Việt.

3.2 Chuyển nhượng

Không bên nào được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ quyền lợi nào trong hoặc theo Hợp đồng.

3.3 Cung cấp và sử dụng tài liệu

- a) Nếu một Bên phát hiện thấy sai sót về mặt kỹ thuật trong một tài liệu chuẩn bị để thi công công trình thì phải thông báo ngay cho Bên kia biết những sai sót này.
- b) Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho Nhà thầu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình và các điều chỉnh, bổ sung thiết kế trong quá trình thi công. Nhà thầu có thể sao chụp, sử dụng những tài liệu được Chủ đầu tư cung cấp vì mục đích của Hợp đồng.
- a) Ngoài các tài liệu được Chủ đầu tư cung cấp bằng văn bản, các bản vẽ được gửi qua email và các phương tiện khác chỉ có giá trị trao đổi thông tin, không có giá trị chính thức phục vụ việc nghiệm thu, quyết toán hợp đồng.

3.4 Tuân thủ pháp luật

Các bên phải tuân thủ pháp luật hiện hành trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Ngoài ra các bên có nghĩa vụ sau:

- a) Chủ đầu tư phải đảm bảo điều kiện khởi công công trình theo quy định của pháp luật;
- b) Nhà thầu phải thông báo, nộp tất cả các loại thuế, lệ phí, phí và có tất cả giấy phép và phê chuẩn, theo quy định của pháp luật liên quan đến thi công xây dựng, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót; Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư những hậu quả do sai sót vì không tuân thủ pháp luật của mình gây ra.

3.5 Đồng tiền sử dụng

Đồng tiền sử dụng trong hợp đồng là đồng tiền Việt Nam.

ĐIỀU 4. KHỐI LƯỢNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

Chủ đầu tư đồng ý giao và Nhà thầu đồng ý nhận thực hiện thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc Dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng. Các công việc cụ thể Nhà thầu phải thực hiện bao gồm:

- 4.1 Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình.
- 4.2 Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng.
- 4.3 Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt và quy chuẩn hiện hành, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình.
- 4.4 Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động hệ thống thiết bị công trình theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu.
- 4.5 Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do nhà thầu phụ của Nhà thầu thực hiện (nếu có).
- 4.6 Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).
- 4.7 Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng tại phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định và được Chủ đầu tư chấp thuận. Đối với các thí nghiệm không đạt, phải thí nghiệm bổ sung hoặc thí nghiệm lại, Nhà thầu sẽ phải chịu hoàn toàn chi phí thí nghiệm bổ sung đó.
- 4.8 Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
- 4.9 Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- 4.10 Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;

- 4.11 Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- 4.12 Hợp tác với các nhà thầu khác trên công trường (nếu có);
- 4.13 Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành mỗi hạng mục công việc.
- 4.14 Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

5.1 Giá Hợp đồng: VND

(Bằng chữ:).

5.2 Nội dung của giá Hợp đồng

- a) Giá Hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện Công việc: toàn bộ chi phí, phí, lợi nhuận và tất cả các loại thuế liên quan theo quy định của pháp luật;
- b) Giá Hợp đồng bao gồm tất cả chi phí liên quan đến bản quyền, sáng tạo của Nhà thầu trong thi công xây dựng công trình;
- c) Giá trị hợp đồng bao gồm các chi phí phục vụ công tác an toàn vệ sinh lao động, PCCC, lắp dựng giàn giáo và lưới bao che công trình, các chi phí tổ chức mặt bằng công trình.
- d) Chi tiết giá hợp đồng trong Phụ lục 1: Bảng giá hợp đồng

5.3 Hình thức hợp đồng

- a) Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- b) Việc thanh toán, quyết toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu từng đợt nhân với đơn giá trong hợp đồng.
- c) Nhà thầu tự chịu mọi rủi ro liên quan đến chi phí thực hiện Công việc và được xem như đã có được tất cả các thông tin cần thiết và đã tính đến tất cả các tình huống có thể ảnh hưởng tới chi phí khi xác định giá Hợp đồng;

5.4 Tạm ứng

- a) Trong vòng 7 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết, Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu số tiền bằng 30% giá Hợp đồng sau khi nhận được từ Nhà thầu các tài liệu hợp lệ sau:
 - Văn bản đề nghị tạm ứng;
 - Bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị quy định tại Khoản 10.1.
 - Bản gốc thư bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại Khoản 10.2.
- b) Thu hồi tiền tạm ứng

Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần là 30% giá trị khối lượng hoàn thành được thanh toán.

5.5 Các đợt thanh toán

- a) Thanh toán trong quá trình thi công: Thanh toán theo từng giai đoạn thi công. Giá trị mỗi đợt thanh toán bằng giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu của từng đợt trừ đi tỷ lệ tạm ứng, giữ lại 5% giá trị bảo hành và 10% giá trị chờ quyết toán (tức bằng 85% giá trị khối lượng hoàn thành trừ đi tiền tạm ứng theo tỷ lệ từng đợt).
- b) Hai bên sẽ thống nhất nội dung cụ thể trong quá trình thương thảo hợp đồng.

5.6 Hồ sơ thanh toán

Nhà thầu nộp 6 bộ Hồ sơ thanh toán tới Chủ đầu tư sau khi đến thời hạn thanh toán nêu trong Hợp đồng. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Hồ sơ quản lý chất lượng đối với những công việc đã hoàn thành., bao gồm:
 - Nhật ký công trường.
 - Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành.
 - Chứng chỉ xuất xưởng và kết quả thí nghiệm vật liệu (ngoại trừ kết quả thí nghiệm bê tông sẽ được bổ sung sau 30 ngày)
- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giá trị đã thanh toán, khấu trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán.
- Bản tính khối lượng và giá trị thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện hai bên.
- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện hai bên.
- Hóa đơn giá trị gia tăng tương đương với giá trị của đợt thanh toán.

5.7 Quyết toán hợp đồng

- a) Hồ sơ quyết toán hợp đồng

Trong vòng 45 ngày sau khi ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình bao gồm cả các công việc phát sinh (nếu có), Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 05 (năm) bộ quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị thanh toán lần cuối, thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng phát sinh (nếu có), giá trị đã thanh toán, giá trị đề nghị thanh toán.
- Hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định hiện hành;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng có xác nhận của đại diện các bên: Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát
- Bản xác nhận khối lượng (có bảng diễn giải chi tiết khối lượng) và giá trị quyết toán (giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng), có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu, trong đó nêu rõ giá đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu.
- Hóa đơn giá trị gia tăng đợt cuối.
- Hồ sơ quản lý chất lượng và bản vẽ hoàn công.
- Nhật ký công trình.
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- Chứng thư bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị quyết toán của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được chủ đầu tư chấp thuận.

b) Thời gian thanh toán quyết toán công trình:

Chủ đầu tư kiểm tra, xác nhận phê duyệt quyết toán và thanh toán 100% giá trị quyết toán trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của Nhà thầu và có quyết định phê duyệt dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

5.8 Phương thức thanh toán

Thanh toán thực hiện bằng chuyển khoản.

5.9 Đồng tiền thanh toán

Đồng Việt Nam

ĐIỀU 6. ĐIỀU CHỈNH GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 6.1 Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.
- 6.2 Đơn giá trong hợp đồng là đơn giá cố định, không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.3 Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:
 - a) Thay đổi khối lượng công việc do điều chỉnh thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
 - b) Bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp đồng;
 - c) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó.
 - d) Nhà nước thay đổi các chính sách về thuế GTGT;

- e) Do các trường hợp bất khả kháng quy định trong Hợp đồng. Khi đó các bên thương thảo xác định giá hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật;
- 6.4 Nhà thầu được thanh toán theo khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu, trừ những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được thanh toán. Việc áp dụng đơn giá được quy định như sau:
- a) Khi khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng không quá 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có).
 - b) Đối với những khối lượng công việc trong bảng giá hợp đồng mà thực tế thực hiện chênh lệch quá 20% khối lượng quy định ban đầu thì hai bên cùng thống nhất xác định đơn giá phần khối lượng thực hiện chênh lệch quá 20% này trên cơ sở tham khảo định mức, đơn giá xây dựng cơ bản và thông báo giá của Liên Sở Tài Chính – Xây dựng tại thời điểm nghiệm thu thanh toán.
- 6.5 Đối với trường hợp bổ sung công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng thì phần giá hợp đồng điều chỉnh được xác định trên cơ sở khối lượng các công việc bổ sung và đơn giá các công việc bổ sung. Đơn giá các công việc bổ sung được xác định như sau:
- a) Đối với các khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc Hợp đồng mà trong Hợp đồng đã có đơn giá thì áp dụng theo đơn giá Hợp đồng;
 - b) Đối với những khối lượng công việc bổ sung mà trong Hợp đồng chưa có đơn giá thì đơn giá của các công việc này được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên.
- 6.6 Trường hợp bất khả kháng thực hiện theo Điều 20 [Bất khả kháng].
- 6.7 Khối lượng phát sinh phải được Chủ đầu tư xác nhận trước khi thực hiện để làm cơ sở thanh quyết toán.

ĐIỀU 7. TIẾN ĐỘ THI CÔNG VÀ THỜI HẠN HOÀN THÀNH

7.1 Ngày khởi công

Nhà thầu tiến hành thi công xây dựng công trình ngay sau khi nhận được số tiền tạm ứng và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công.

7.2 Tiến độ thi công xây dựng công trình

- a) Ngay hoàn thành công trình là 120 ngày kể từ ngày khởi công.
- b) Căn cứ vào ngày hoàn thành nêu trên, Nhà thầu sẽ trình Chủ đầu tư biểu Tiến độ thi công chi tiết trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- c) Bản tiến độ thi công phải thể hiện được trình tự thực hiện công việc và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính.

- d) Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể.
- e) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc TVGS có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo Khoản 7.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành]. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

7.3 Chậm tiến độ và phạt do chậm tiến độ

Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản 7.2 [Tiến độ thi công xây dựng công trình], tiến độ thi công từng hạng mục bị chậm so với tiến độ được duyệt (trừ các lý do chậm được nêu điều 7.4 của Hợp đồng), Nhà thầu sẽ chịu mức phạt chậm tiến độ là 0,5% tổng giá trị các hạng mục bị chậm cho 01 ngày chậm, nhưng mức phạt không quá 12% giá hợp đồng.

7.4 Gia hạn thời gian hoàn thành

- a) Nhà thầu được xem xét gia hạn thời gian hoàn thành nếu và ở phạm vi mà việc hoàn thành cho mục đích đang hoặc sẽ bị chậm trễ do một trong những lý do sau đây:
 - Ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng;
 - Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc do nguyên nhân khách quan, hoặc Chủ đầu tư chậm xử lý các vướng mắc trong quá trình thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ hoặc gián đoạn thi công.
 - Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra, bao gồm sự chậm trễ trong bàn giao mặt bằng.
- b) Chủ đầu tư chậm thanh toán và/hoặc chậm nghiệm thu cho Nhà thầu dù Nhà thầu đã đủ điều kiện thanh toán hoặc nghiệm thu theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- c) Tất cả các nguyên nhân trên phải được Nhà thầu thiết lập hệ thống dữ liệu có đủ cơ sở để tiến hành gia hạn thời gian hoàn thành. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết
- d) Trong các trường hợp trên, thời gian hoàn thành được gia hạn sẽ tương ứng với thời gian chậm trễ hoặc số ngày thực tế bị gián đoạn.
- e) Các nguyên nhân gia hạn thời gian hoàn thành chỉ được chấp thuận khi có xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư.

7.5 Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ bị chậm so với tiến độ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 7.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành], Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công điều chỉnh đáp ứng yêu cầu về thời gian hoàn thành theo quy định tại Khoản 7.2.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU

8.1 Quyền của Nhà thầu

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức thực hiện nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và công trình hoàn thành đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng.
- b) Yêu cầu Chủ đầu tư phối hợp xử lý kịp thời các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
- c) Đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện những công việc ngoài phạm vi của hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư;
- d) thay đổi các biện pháp thi công sau khi được bên giao thầu chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết;
- e) Yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán theo các quy định của Hợp đồng, bao gồm cả thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng;
- f) Đòi bồi thường thiệt hại khi bên giao thầu chậm bàn giao mặt bằng và các thiệt hại khác do lỗi của Chủ đầu tư gây ra.

8.2 Nghĩa vụ của Nhà thầu

- a) Thi công xây dựng công trình theo đúng thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ và các quy định của Hợp đồng.
- b) Cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo hợp đồng để thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký kết.
- c) Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình.
- d) Lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường cho Chủ đầu tư trong vòng 7 ngày sau khi ký hợp đồng.
- e) Ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, hồ sơ hoàn công, quyết toán hợp đồng, hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có); tiến hành các thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp đồng và pháp luật.
- f) Phản hồi thông tin về bản vẽ thiết kế thi công mà chủ đầu tư phát hành hoặc các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong vòng 3 (ba) ngày kể từ ngày Nhà

thầu nhận được đề nghị của Chủ đầu tư. nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

- g) Bất kỳ lúc nào Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát yêu cầu thì Nhà thầu phải trình các chi tiết của việc bố trí và các biện pháp thi công mà Nhà thầu đề xuất để được chấp thuận áp dụng cho việc thi công xây dựng công trình. Không được thay đổi đáng kể những sự bố trí và các biện pháp nếu không thông báo trước cho Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát.
- h) Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng đình công, lãn công trên công trường ảnh hưởng đến tiến độ chung của Hợp đồng, ảnh hưởng lan tỏa đến các hoạt động của các Nhà thầu khác.
- i) Phối hợp với các nhà thầu khác cùng thực hiện trên công trường.
- j) Định kỳ báo cáo với Chủ đầu tư về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công xây dựng công trình.
- k) Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường trong thời hạn quy định sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao hoặc hợp đồng bị chấm dứt theo quy định hợp đồng.
- l) Hoàn trả mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- m) Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng.
- n) Mua các loại bảo hiểm theo quy định tại Điều 17.

8.3 Đại diện Nhà thầu

- a) Trước ngày khởi công, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư tên và thông tin về người mà Nhà thầu đề nghị làm Đại diện của Nhà thầu phù hợp với các thông tin đã kê khai trong HSDX.
- b) Nếu không được sự đồng ý trước của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được bãi nhiệm đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế.
- c) Toàn bộ thời gian của đại diện Nhà thầu phải được dành cho việc chỉ đạo thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu. Nếu đại diện của Nhà thầu buộc phải tạm thời vắng mặt tại công trường trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải cử người thay thế phù hợp với sự chấp thuận trước của Chủ đầu tư.
- d) Đại diện của Nhà thầu có thể giao nhiệm vụ và quy định rõ thẩm quyền cho bất cứ người nào có năng lực đồng thời có thể hủy bỏ việc ủy quyền này tại bất cứ thời điểm nào. Việc giao nhiệm vụ hoặc hủy bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Chủ đầu tư nhận được thông báo trước do đại diện Nhà thầu ký, nêu rõ tên, nhiệm vụ và thẩm quyền của người được giao hoặc hủy bỏ.

8.4 Hợp tác

- a) Nhà thầu có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với:
 - Nhân sự của Chủ đầu tư và các nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê thực hiện các phần việc khác trên công trình;
 - Nhân viên của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan tới dự án.
- b) Nhà thầu chịu trách nhiệm phối hợp hoạt động của mình với hoạt động của các nhà thầu khác theo các nguyên tắc:
 - Khi lập kế hoạch triển khai thi công chi tiết phải nhận diện các hoạt động của các bên liên quan có tác động hoặc ảnh hưởng đến các hoạt động của mình trên công trường và chủ động có giải pháp phù hợp.
 - Các phát sinh tiến độ, chất lượng, chi phí (nếu có) do các nhà thầu tự thương thảo, ràng buộc với nhau. Việc phát sinh này không làm thay đổi trách nhiệm Nhà thầu đối với Chủ đầu tư theo quy định hợp đồng.

8.5 Định vị các mốc

- a) Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định theo hồ sơ kỹ thuật thi công được cấp thẩm quyền phê duyệt được Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng công trình trước khi thi công.
- b) Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

8.6 Các quy định về an toàn lao động

- a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.
- b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.
- c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra phạm vi an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.
- e) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động. Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

8.7 Bảo vệ môi trường

- a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ môi trường cả trong và ngoài công trường và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người, tài sản và môi trường xung quanh do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác từ hoạt động của Nhà thầu gây ra.
- b) Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không vượt quá mức quy định theo yêu cầu của Chủ đầu tư và quy định hiện hành.
- c) Nhà thầu chịu trách nhiệm thu gom, xử lý rác thải theo quy định của pháp luật, Khu công nghiệp và Chủ đầu tư.
- d) Nhà thầu phải có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.
- e) Trường hợp Nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

8.8 Đảm bảo chất lượng công trình

- a) Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng hiện hành của Nhà nước trong việc thi công xây dựng công trình phù hợp với các nội dung đã nêu trong Hợp đồng nhưng không làm giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu theo Hợp đồng và Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong quá trình thi công xây dựng của Nhà thầu.
- b) Sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải thực hiện việc bảo hành công trình theo quy định tại Điều 19.

8.9 Tránh ảnh hưởng đến các công trình và dân cư

- a) Nhà thầu không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào việc tiếp cận, sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác.
- b) Nhà thầu phải bồi thường và đảm bảo cho Chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do thi công không đúng biện pháp kỹ thuật, bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra cho các công trình lân cận.

8.10 Điện, nước và năng lượng khác

- a) Nhà thầu tự cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần cho mục đích thi công công trình.

- b) Nhà thầu, bằng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng và để đo số lượng tiêu thụ điện, nước cùng các dịch vụ khác.
- c) Nhà thầu phải thanh toán những khoản tiền phải trả cho các dịch vụ qua các Hợp đồng mà Nhà thầu ký với các nhà cung cấp dịch vụ đó.
- d) Trong trường hợp Nhà thầu dùng điện, nước của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải thanh toán lại các chi phí này cho Chủ đầu tư.
- e) Trong trường hợp Chủ đầu tư cung cấp nguồn điện, nước đến chân công trình. Nhà thầu có quyền sử dụng điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường theo giá và các chi tiết do Chủ đầu tư đưa ra.
- f) Trong mọi trường hợp, Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình.

8.11 Báo cáo tiến độ, khối lượng thực hiện

- a) Nhà thầu nộp báo cáo tiến độ thực hiện công việc hàng ngày và hàng tuần và hàng tháng bằng công văn/fax/email.
- b) Báo cáo tiến độ tuần phải nộp vào ngày họp giao ban hàng tuần. Báo cáo tiến độ tháng phải nộp trong vòng 02 ngày của ngày đầu tháng.
- c) Trong báo cáo tuần và báo cáo tháng phải trình bày những công việc đã thực hiện, đánh giá việc thực hiện theo tiến độ và kế hoạch chi tiết thực hiện công việc tuần tiếp theo và tháng tiếp theo.
- d) Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn tại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Biên bản nghiệm thu công trình.
- e) Ngoài các báo cáo định kỳ, Nhà thầu phải cung cấp báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

8.12 An ninh công trường

- a) Chủ đầu tư chỉ có trách nhiệm bảo vệ và kiểm soát tại cổng công trường.
- b) Nhà thầu chịu trách nhiệm về mọi sự mất mát hư hỏng (nếu có) đối với vật tư thiết bị của nhà thầu đưa vào công trường.
- c) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu biết.
- d) Nhân sự của nhà thầu phải tuân thủ nội quy công trường của Chủ đầu tư.
- e) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường.

8.13 Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

- a) Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường là khu vực Nhà thầu được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải đảm

bảo thiết bị và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận.

- b) Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.
- c) Sau khi Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đã ký, nhà thầu phải dọn sạch và di dời khỏi phạm vi công trường tất cả các thiết bị thi công của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác thải và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn.
- d) Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.
- e) Nếu tất cả những vật tư thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 7 (bảy) ngày sau khi ký biên bản nghiệm thu hoàn thành; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thanh thải vật tư thiết bị. Số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

8.14 Đường đi và phương tiện

- a) Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời phục vụ thi công mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường.
- b) Nhà thầu cần tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra bằng việc sử dụng phương tiện và tuyến đường thích hợp. Nhà thầu phải sửa chữa nếu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó.
- c) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc bên khác.
- d) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- e) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;
- f) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

9.1 Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Tạm dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- b) Kiểm tra chất lượng thực hiện công việc, cơ sở gia công chế tạo kết cấu thép (kết cấu phần thân) của bên nhận thầu nhưng không được làm cản trở hoạt động bình thường của bên nhận thầu. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng, tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng và báo cáo cơ quan quản lý đấu thầu.

9.2 Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- c) Đảm bảo các điều kiện khởi công theo quy định;
- d) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng;
- e) Cử và thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về nhân sự tham gia quản lý Hợp đồng;
- f) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng;
- g) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật;
- h) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình;
- i) Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của Nhà thầu;
- j) Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng hạn;
- k) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- l) Cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa chất, địa chất thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến Hợp đồng.

ĐIỀU 10. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, BẢO LÃNH TẠM ỨNG

10.1 Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- a) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng một Chứng thư bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Chủ đầu tư chấp thuận trong vòng 10 ngày sau khi ký hợp đồng. Giá trị bảo lãnh tương đương 5% giá hợp đồng.
- b) Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký phát hành cho đến sau 28 ngày khi công trình được nghiệm thu hoàn thành Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

- c) Trong trường hợp biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng chưa được ký kết, muộn nhất 30 ngày trước ngày bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng tương ứng nhằm duy trì hiệu lực của bảo lãnh quy định tại điểm b khoản này.
- d) Việc gia hạn bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (nếu có) phải được thực hiện trước khi bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hạn ít nhất 10 ngày, và Chủ đầu tư có quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán ngay các khoản tiền bảo lãnh thực hiện Hợp đồng theo Hợp đồng này nếu việc gia hạn bảo lãnh không được thực hiện trong thời hạn trên đây
- e) Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

10.2 Bảo lãnh tiền tạm ứng

- a) Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện và không hủy ngang để đảm bảo cho số tiền tạm ứng được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Nhà thầu chỉ định và được Chủ đầu tư chấp thuận, có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng và khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán giữa các bên.
- b) Bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng số tiền tạm ứng, có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ khối lượng được nghiệm thu thanh toán nhưng không ít hơn 50 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trường hợp muộn nhất, 30 ngày trước ngày bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tiền tạm ứng, Nhà thầu có nghĩa vụ gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng tương ứng, nhằm duy trì hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng. Việc gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) phải được thực hiện trước khi bảo lãnh tiền tạm ứng hết hạn ít nhất 10 ngày và Chủ đầu tư có quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán ngay các khoản tiền bảo lãnh tiền tạm ứng theo Hợp đồng này nếu việc gia hạn bảo lãnh không được thực hiện trong thời hạn trên đây.

ĐIỀU 11. NHÀ THẦU PHỤ

11.1 Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện các quy định sau

- a) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ kèm theo HSDX. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.
- b) Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu chính. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

- c) Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá 49% giá hợp đồng, trừ khi được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

11.2 Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)

- a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.
- b) Nhà thầu có quyền từ chối nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng.

ĐIỀU 12. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

12.1 Việc tuyển dụng lao động

Nhà thầu tự sắp xếp việc tuyển dụng lao động, người địa phương hay người nơi khác và trả lương, bố trí ăn ở và đi lại cho họ, đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

12.2 Nhân lực của Nhà thầu

- a) Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt đã xác định trong HSDX để thực hiện công trình hoặc huy động các nhân sự hay thiết bị khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự về cơ bản bằng hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDX.
- b) Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó có thái độ sai trái hoặc thiếu năng lực hoặc bất cẩn, không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng gây phương hại đến chất lượng, tiến độ thi công, an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.
- c) Khi đó, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Đồng thời Nhà thầu chỉ định một người khác thích hợp và trình cho Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

12.3 Tuân thủ các quy định pháp luật về lao động

Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật về lao động hiện hành liên quan tới nhân lực của Nhà thầu, bao gồm quy định về việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi và tất cả những quyền lợi hợp pháp của họ. Nhà thầu phải yêu cầu nhân sự của mình tuân thủ các quy định này.

12.4 Giờ lao động

Tất cả công nhân không được ở lại trên công trường khi hết giờ làm việc, trừ trường hợp đặc biệt nhưng phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.

12.5 Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và người lao động

Nhà thầu phải cung cấp và duy trì tất cả các phương tiện ăn, ở và bảo vệ sức khỏe cần thiết cho nhân lực của Nhà thầu. Nhà thầu không được cho phép bất cứ nhân lực nào của Nhà thầu có chỗ ở trong khu vực công trường ngoài giờ làm việc ngoại trừ bảo vệ và thủ kho.

12.6 Sức khỏe và an toàn lao động

- a) Nhà thầu luôn luôn có những sự cân trọng hợp lý để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương.
- b) Nhà thầu sẽ chỉ định một số cán bộ làm công tác an toàn ở công trường, chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn, danh sách cán bộ an toàn được gửi về Chủ đầu tư trước khi thi công. Người này phải có trình độ để đảm nhận trọng trách này, và có quyền đưa ra những hướng dẫn và áp dụng những biện pháp để phòng tránh tai nạn. Trong suốt quá trình thi công công trình, Nhà thầu phải cung cấp những gì mà người này cần thiết để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn này.

12.7 Hành vi gây rối

- a) Nhà thầu phải luôn luôn cân trọng để tránh bất kỳ các hành vi gây rối hoặc mất trật tự nào do nhân lực của Nhà thầu gây ra và để giữ sự bình ổn và để bảo vệ sự yên bình cho con người và tài sản ở trên và gần công trường.
- b) Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (kể cả chi phí pháp lý) do lỗi của nhân lực Nhà thầu gây ra.

12.8 Xử lý các vi phạm

Việc nhà thầu hoặc nhân sự của nhà thầu vi phạm nội quy công trình do Chủ đầu tư quy định thì tùy theo mức độ có thể bị phạt cho mỗi trường hợp vi phạm theo quy định tại phụ lục hợp đồng, trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị Chủ đầu tư nghiêm cấm vào công trường.

ĐIỀU 13. VẬT TƯ, VẬT LIỆU, THIẾT BỊ CỦA NHÀ THẦU

13.1 Việc lấy và cung cấp mẫu vật tư, vật liệu

Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị và thông tin tương ứng cho Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát để có sự chấp thuận trước khi sử dụng vật liệu cho công trình, bao gồm:

- Các tiêu chuẩn của nhà sản xuất vật liệu và các mẫu theo quy định bằng chi phí của mình;
- Các mẫu bổ sung theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát. Từng mẫu phải được gắn nhãn hiệu về xuất xứ và việc sử dụng được dự kiến trong công trình.

13.2 Kiểm tra chất lượng

- a) Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- b) Chủ đầu tư được quyền kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.
- c) Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên..

ĐIỀU 14. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU

14.1 Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng

Công trình phải được thi công theo chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ yêu cầu phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan. Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng công trình của mình.

Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, vật tư, công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do Nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hợp đồng.

14.2 Nghiệm thu công việc xây dựng

- a) Sau khi hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình, Nhà thầu thông báo cho Tư vấn giám sát đề nghị nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình.
- b) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 14.1 nêu trên;
- c) Tư vấn giám sát, trong vòng 01 ngày làm việc sau nhận được đề nghị của Nhà thầu, sẽ chấp thuận tiến hành nghiệm thu hoặc bác bỏ và đưa ra lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được nghiệm thu.
- d) Căn cứ nghiệm thu: chỉ dẫn kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; hồ sơ quản lý chất lượng.
- e) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu gồm:
 - Đại diện Chủ đầu tư;
 - Đại diện Tư vấn giám sát;
 - Đại diện Nhà thầu

Đại diện của các bên do các bên cử trên cơ sở phù hợp với quy định của hợp đồng, sẽ cụ thể trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- f) Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Hồ sơ vật liệu đầu vào
- Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu

14.3 Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

- a) Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu của hợp đồng thì hai bên tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình.
- b) Sau khi công trình hoàn thành và trước khi tiến hành nghiệm thu, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành và tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có).
- c) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu gồm:
 - Đại diện Chủ đầu tư;
 - Đại diện Ban QLDA công trình;
 - Đại diện Tư vấn giám sát;
 - Đại diện tư vấn thiết kế;
 - Đại diện Nhà thầu;
 - Các bên liên quan khác (nếu có).
- d) Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Chủ đầu tư phải làm để hoàn thành công trình.

14.4 Phòng thí nghiệm

Phòng thí nghiệm do Nhà thầu lựa chọn phải có đủ năng lực theo quy định của pháp luật và được Chủ đầu tư chấp thuận.

14.5 Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

- a) Bằng kinh phí của mình, Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu hoàn thành trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu nhưng không vượt quá khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong hợp đồng.
- b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:
 - Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.
 - Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu Nhà thầu không cung cấp được tài liệu chứng

minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

- c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.
- d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

ĐIỀU 15. TƯ VẤN GIÁM SÁT

- 15.1 Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng ký với Chủ đầu tư.
- 15.2 Nội dung công việc tư vấn giám sát bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, được quy định cụ thể tại Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- 15.3 Tư vấn giám sát được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu để kiểm tra.
- 15.4 Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát.

ĐIỀU 16. PHẠT DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

16.1 Phạt do các vi phạm của nhà thầu

Phạt do vi phạm về tiến độ thi công: theo quy định tại Khoản 7.3.

Phạt do các vi phạm trên công trường: theo phụ lục hợp đồng

Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu nộp tiền phạt hoặc khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu

16.2 Phạt liên quan tới thanh toán hợp đồng

Trường hợp Chủ đầu tư không tuân thủ thời hạn thanh toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ chịu phạt theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho phần giá trị chậm thanh toán, đồng thời Nhà thầu được quyền cộng thêm vào thời gian thi công tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 17. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Tạm ngừng Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 5.3 [Thanh toán] . Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 15 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được tạm ứng, thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm ngừng công việc của Nhà thầu theo Khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 17.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được tạm ứng hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

17.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- a) Nhà thầu không nhận được số tiền đề nghị thanh toán theo đúng quy định hợp đồng quá 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;
- b) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

17.3 Tạm ngừng Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể quyết định ngừng thực hiện công việc theo Hợp đồng khi:

- a) Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết;
- b) Do ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng;
- c) Có sự thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- d) Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trước khi tạm ngừng theo điểm (a) trên đây, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 10 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng, đồng thời yêu cầu Nhà thầu phải khắc phục các vi phạm trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

17.4 Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

- a) Chủ đầu tư được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:
 - Không thực hiện nghĩa vụ hoặc không duy trì hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng theo Điều 10 của Hợp đồng;

- Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
 - Không có lý do chính đáng mà 28 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;
 - Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu
 - Giao thầu phụ quá tỷ lệ quy định hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư;
 - Ngoại trừ các lý do chậm trễ được đề cập trong mục 5.4, tiến độ thi công do Nhà thầu thực hiện bị chậm hơn 20% (tính theo khối lượng hoàn thành) so với tiến độ của hợp đồng hoặc số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;
 - Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;
- b) Nếu có một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 15 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (f) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.
- c) Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo Hợp đồng.
- d) Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu cho Chủ đầu tư.
- e) Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể giao cho các nhà thầu khác thi công hoàn thành công trình. Chủ đầu tư và các nhà thầu này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu nào của Nhà thầu trước đó.
- f) Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để di dời vật tư, thiết bị bằng chi phí của mình. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

17.5 Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện theo đúng Hợp đồng, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì Nhà thầu phải hoàn trả cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có thể:

- Thanh toán cho Nhà thầu khoản chênh lệch.
- Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí sửa chữa các sai sót và hư hỏng, thiệt hại do chậm trễ và các chi phí khác được hai bên thống nhất xác định. Sau khi thu hồi lại các chi phí này, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện theo đúng Hợp đồng, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, nhân sự mà Nhà thầu huy động cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.

ĐIỀU 18. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

18.1 Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu

Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu

18.2 Rủi ro của Chủ đầu tư

Kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của Nhà thầu, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây:

- Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (loại trừ công trình, vật tư, máy móc, thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư.
- Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với công trình, vật tư, máy móc, thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.

18.3 Rủi ro của Nhà thầu

Nhà thầu chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây:

- Các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (kể cả đối với công trình, vật tư, máy móc, thiết bị) kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành;
- Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với công trình kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của Nhà thầu do:
 - Bất kỳ sai sót nào xảy ra vào Ngày hoàn thành;
 - Bất kỳ sự việc nào xảy ra trước Ngày hoàn thành mà sự việc này không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;
 - Các hoạt động của Nhà thầu trên Công trường sau Ngày hoàn thành.

ĐIỀU 19. BẢO HIỂM VÀ BẢO HÀNH

19.1 Bảo hiểm

Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu, bảo hiểm công trình xây dựng.

Các khoản thanh toán được nhận từ nhà Bảo hiểm phải được sử dụng để bù đắp mất mát hay thiệt hại.

Nhà thầu phải cung cấp cho chủ đầu tư một bộ Hợp đồng dịch vụ bảo hiểm của mình trước khi thực hiện công việc của Nhà thầu trên công trình theo Hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

19.2 Bảo hành

Thời hạn bảo hành công trình tối thiểu là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành thiết bị công trình theo thông báo của nhà sản xuất nhưng không ngắn hơn 12 (mười hai) tháng.

Giá trị giữ lại bảo đảm cho việc bảo hành của Nhà thầu đối với công trình là 5% (năm phần trăm) giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu.

Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu.

Khí có sự cố xảy ra, trong vòng 48 giờ, Nhà thầu phải cử đại diện tới tiếp nhận thông tin và khảo sát hiện trạng, đánh giá mức độ hư hỏng. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 3 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu. Nhà thầu phải thanh toán cho bên thứ 3 trong vòng **10 ngày** sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các Khoản thanh toán này. Quá thời hạn trên mà Nhà thầu vẫn không thanh toán các khoản chi phí này thì Chủ đầu tư sẽ thực hiện việc thanh toán thông qua chứng thư bảo lãnh bảo hành từ ngân hàng, đồng thời thông báo cho Nhà thầu, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị khoản thanh toán này.

Sau khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình, Chủ đầu tư sẽ hoàn trả bảo lãnh bảo hành.

ĐIỀU 20. BẤT KHẢ KHÁNG

20.1 Định nghĩa về Bất khả kháng

Trong Điều này, “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một Bên,

- b) Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng,
- c) Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý, và
- d) Thực chất không thể quy cho bên kia.

Bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:

- Chiến tranh hoặc tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh hay không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù từ nước ngoài;
- Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;
- Nổi loạn, náo loạn, vi phạm kỷ luật, bãi công, hay bị bao vây bởi những người không phải là người của Nhà thầu và các người làm thuê khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ;
- Bom đạn, vật liệu nổ, phóng xạ hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do có thể quy kết cho việc Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ;
- Các thiên tai như động đất, lở, bão hay hoạt động núi lửa giới hạn vượt qua giới hạn thông thường trong 10 năm theo báo cáo kết quả thống kê của trung tâm khí tượng thủy văn;
- Các thảm họa khác chưa lường hết được;
- Các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

20.2 Thông báo về bất khả kháng

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong vòng 03 ngày sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

20.3 Trách nhiệm trong trường hợp bất khả kháng

Việc một bên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng gây ra sẽ không phải là cơ sở để bên kia yêu cầu bồi thường thiệt hại, phạt hoặc chấm dứt Hợp đồng.

Trong thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, Nhà thầu phải tiến hành kịp thời các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và thực hiện các biện pháp thay thế để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

20.4 Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng

Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng

ĐIỀU 21. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ CÁC TRANH CHẤP

21.1 Khiếu nại của Nhà thầu

Trong trường hợp Nhà thầu tự cho rằng mình có quyền đối với bất kỳ sự gia hạn thời gian hoàn thành và/ hoặc bất cứ sự thanh toán thêm theo bất kỳ Điều khoản nào của các Điều kiện này hoặc là có liên quan tới Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư mô tả sự việc hay trường hợp dẫn tới việc phát sinh khiếu nại. Thông báo phải được đưa ra ngay và không được quá 15 ngày sau khi Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã ý thức được sự việc hoặc trường hợp.

Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại, trong vòng 15 ngày thì thời gian hoàn thành sẽ không được kéo dài, Nhà thầu sẽ không được quyền thanh toán thêm và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về khiếu nại.

21.2 Hòa giải một cách hữu hảo

Đối với nội dung khiếu nại của Nhà thầu các Bên phải cố gắng để giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trên tinh thần hợp tác bình đẳng cùng có lợi và lập thành văn bản. Văn bản này là một phần không thể tách rời Hợp đồng.

Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 30 ngày

21.3 Giải quyết tranh chấp

Nếu các bên không thể tự giải quyết bằng thương lượng, hòa giải thì tranh chấp được đưa ra xử lý tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính bắt buộc đối với các bên.

Trong thời gian chờ đợi kết quả phán xét của Tòa án, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thi công theo tiến độ, không vì lý do tranh chấp mà trì hoãn công việc.

Sau khi có kết quả phán xét của Tòa án, bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ án phí phát sinh do khiếu nại tranh chấp

ĐIỀU 22. QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG.

22.1 Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng **45 ngày** kể từ ngày công trình được chính thức nghiệm thu và bàn giao cho Chủ đầu tư, Nhà thầu phải phối hợp với Tư vấn giám sát để hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán và nộp cho Chủ đầu tư.

Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư **01 bộ** dự thảo quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận:

- Giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng và công việc phát sinh trong quá trình thực hiện được TVGS và/hoặc Chủ đầu tư xác nhận.
- Số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng.

Chủ đầu tư phản hồi cho Nhà thầu trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận dự thảo hồ sơ quyết toán hợp đồng.

22.2 Thanh lý hợp đồng.

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại Điều 17 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng].

b) Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời gian 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt.

22.3 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Nếu Nhà thầu chậm trễ nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng quá 30 ngày so với quy định tại Hợp đồng vì bất kỳ lý do nào, không phụ thuộc Nhà thầu đã nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng hay chưa, Chủ đầu tư có quyền:

- (i) Thuê đơn vị có chuyên môn/kinh nghiệm lập Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng với chi phí do Nhà thầu chịu; hoặc
- (ii) Tự tính toán khối lượng và giá trị quyết toán của gói thầu trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu thực tế, bản vẽ hoàn công và các tài liệu liên quan khác mà Chủ đầu tư hiện có tại thời điểm đó;
- (iii) Quyết định và tiến hành các thủ tục, công việc cần thiết để tự thanh lý Hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu được coi là chấp nhận hoàn toàn số liệu, giá trị quyết toán Hợp Đồng do Chủ đầu tư tính toán nêu trên và toàn bộ các chi phí phát sinh sẽ được trừ vào giá trị quyết toán Hợp đồng.

ĐIỀU 23. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

23.1 Hai bên cam kết có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh những thỏa thuận trong Hợp đồng này.

23.2 Mọi sửa đổi bổ sung, thay đổi Hợp đồng đều phải được hai Nhà thầu bàn bạc cùng nhau thực hiện bằng văn bản được đại diện hợp pháp của hai Bên ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- 23.3 Hợp đồng này gồm 33 (ba mươi ba) trang và 5 (năm) phụ lục, được lập thành 6 (sáu) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau. Chủ đầu tư giữ 4 (bốn) bản, nhà thầu giữ 2 (hai) bản.
- 23.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và đến khi thanh lý Hợp đồng./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).

Theo quy định trong HSYC (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở ____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽¹⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5 ĐKCT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽²⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(2) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5 ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽¹⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 36 ĐKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Mục 36 ĐKCT của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (3) Ngày theo quy định tại dự thảo hợp đồng.